THÁNH-KINH BÁO

NĂM THỨ 1 JANVIER, 1931 SỐ 1

TÒA SOẠN BÁO:
Số 1, Phố Nguyễn-Trãi
Hà-nội, Bắc-kỳ

THƠ VÀ TIỀN-BẠC
Xin gởi cho Mục-sư W. C. Cadman
Quản-lý Thánh-Kinh Báo
Hà-nội, Bắc-kỳ

LỆ MUA BÁO:
Một năm (10 số) giá 1p.00
Mỗi số 0p.15
Mua báo xin trả tiền trước

SOI TẤM GƯƠNG SÁNG!

Tôi không sợ chút nào để tỏ ra cho biết hết thảy ý-định của Đức Chúa Trời
(Sứ-đồ 20 : 27, theo nguyên-văn)

ĐỜI nầy phải cần đến người can-đảm về đạo-đức, dạn-dĩ không sợ làm chứng cho Đức Chúa Trời. Sứ-đồ Phao-lô, nhà truyền-giáo thứ nhứt và trọng-yếu, là người như thế đó. Coi kìa, ông đang đứng nói lời êm-dịu từ-giã các con yêu-dấu trong đức-tin. Lúc đó, Phao-lô già-cả, suy-yếu vì gánh chức-vụ truyền-giáo lâu năm, trải qua nhiều cơn bắt-bớ, khó-khăn và thử-rèn. Hãy coi, can-đảm thay Phao-lô! đứng trước cơn nguy-hiểm: «Từ thành nầy sang thành khác dây xích và hoạn-nạn đương đợi.» Hãy nghe, quả-quyết thay Phao-lô! «Chẳng kể sự sống mình làm quí, miễn chạy cho xong việc đua... và chức-vụ... đã lãnh nơi Đức Chúa Jêsus.» Thật, ông có thể chứng rằng: «Tôi không sợ chút nào để tỏ ra cho biết hết thảy ý-định của Đức Chúa Trời.» Phao-lô đã treo một tấm gương sáng như thế, vậy THÁNH-KINH BÁO theo ông, cũng ôm cái ý-định và chức-vụ ấy mà ra đời.

Coi câu gốc, thấy Phao-lô không sợ chút nào; vậy bổn-báo cũng tự mong không sợ, không thẹn, không nhát, nhưng vì đạo Chúa mà bạo-dạn chống-cự tội-ác, tư-dục và việc bất-công, làm chứng về Đức Chúa Jêsus cho bạn-hữu và kẻ thù, tríu-mến «đều chi chơn-thật, đều chi đáng tôn, đều chi công-bình, đều chi thanh-sạch, đều chi đáng yêu-chuộng, đều chi có tiếng tốt, đều chi có nhơn-đức đáng khen» (Phi-líp 4 : 8).

Thấy Phao-lô «tỏ ra cho biết hết thảy ý-định của Đức Chúa Trời,» nên bổn-báo không hề cãi-lẫy với ai, chỉ tỏ cho mọi người biết hết thảy ý-định Chúa đối với thế-gian và từng người như chép trong Kinh-thánh. Ngoài ra, không can-thiệp đến việc chánh-trị, không bàn-luận đến sự không quan-hệ với đạo Chúa, không đăng cáo-bạch các nhà hàng; song chỉ rao-truyền lẽ thật đạo Tin-lành để giúp đời tín-đồ càng thêm sâu-nhiệm, hưởng phước thiêng-liêng.

Nầy, ý-định Chúa tỏ trong Kinh-thánh thế nào? Xin chia bốn mặt mà nói:

1.—Trong I Ti-mô-thê 2: 4, Phao-lô nói rằng: «Đức Chúa Trời muốn cho mọi người được cứu-rỗi và hiểu-biết lẽ thật.» Rộng-rãi thay ý-định đó! bao-gồm cả thiên-hạ, không cứ giống nào, dân nào. Phương-pháp duy-nhứt khiến người được cứu là phải tin-cậy

Đức Chúa Jêsus, vì «chẳng có sự cứu-rỗi trong đấng nào khác» (Sứ-đồ 4: 12). Đức Chúa Jêsus đã chịu hình-phạt tội-lỗi thế-gian trên cây thập-tự, làm Đấng Trung-bảo giữa Đức Chúa Trời và loài người. Vậy, bổn-báo mong tỏ Ngài là Chúa Cứu-thế.

2.—Trong I Tê-sa-lô-ni-ca 4:3 có chép: «Ý-muốn Chúa là khiến anh em nên thánh.» Chúng ta đã được cứu khỏi hình-phạt tội-lỗi, bây giờ lại muốn thoát khỏi quyền nó, thì nên thế nào? Phải để Chúa ngự trong lòng mình, «nghĩa là Đấng Christ ở trong anh em, là sự trông-cậy về vinh-hiển» (Cô-lô-se 1: 27). Nguyện độc-giả sẽ hiểu thấu sự mầu-nhiệm đó để nên «thánh-khiết trọn-vẹn không chỗ trách được.» Vậy, bổn-báo mong tỏ Ngài là Đấng khiến nên thánh.

3.—Trong Hê-bơ-rơ 13: 8 có chép: «Đức Chúa Jêsus-Christ hôm qua, ngày nay, và cho đến đời đời không hề thay-đổi.» Ngài hằng sống, nên còn có quyền chữa bịnh ta, như khi xưa «Người ta đem cho Đức Chúa Jêsus nhiều kẻ bị quỉ ám, Ngài lấy lời nói mà đuổi quỉ ra; cũng chữa được hết thảy những người bịnh, và cho được ứng-nghiệm lời của đấng tiên-tri Ê-sai đã nói rằng: Chính Ngài đã lấy tật-nguyền của chúng ta, và gánh bịnh-hoạn của chúng ta.» (Ma-thi-ơ 8: 16, 17). Ai nhờ-cậy Chúa, thì Ngài là sự sống của người ấy. Vậy, bổn-báo mong tỏ Ngài là Đấng chữa bịnh.

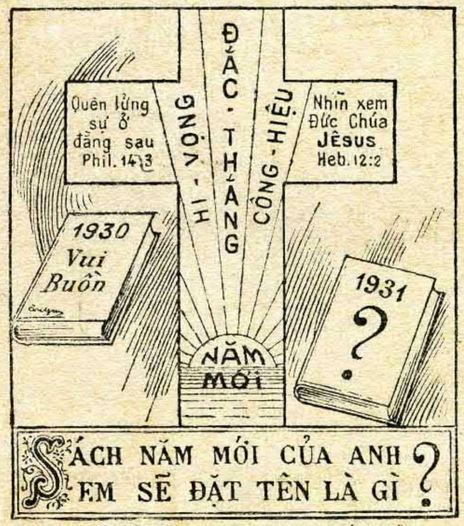

Sách cũ 1930 gần qua, sách mới 1931 sắp mở, chúc độc-giả vẫn nhìn-xem Đức Chúa Jêsus để đón hi-vọng, đắc-thắng và công-hiệu trong thập-tự Chúa.

4.—Thiên-sứ phán rằng: «Jêsus nầy đã được cất lên trời khỏi giữa các ngươi; cũng sẽ trở lại như cách các ngươi đã thấy Ngài lên trời vậy.» (Sứ-đồ 1: 11). Dầu không biết ngày nào, năm nào Chúa sẽ tái-lâm, nhưng có nhiều dấu-hiệu chứng rằng ngày đó thật gần đến. Sự trông-cậy ấy yên-ủi tín-đồ trong cơn hoạn-nạn buồn-rầu và giục lòng hằng ngày trung-tín với Chúa, để được xứng-đáng gặp Ngài. Vinh-hiển thay! Lời tiên-tri trong Kinh-thánh nầy sắp được ứng-nghiệm: «Nước của thế-gian thuộc về Chúa chúng ta và Đấng Christ của Ngài, Ngài sẽ trị-vì đời đời.» (Khải-huyền 11: 15). Vậy, bổn-báo mong tỏ Ngài là Đấng tái-lâm.

Bổn-báo xuất-bản, chỉ cốt tỏ hết ý-định của Chúa, dốc lòng nương-nhờ Kinh-thánh, là lời Ngài. Kinh-thánh khác nào cái suối thanh-sạch, có nước chảy ra từ hòn đá lớn, là Jêsus. Ai uống nước đó, mát-mẻ bổ sức biết bao! Song, phải coi chừng, kẻo múc chỗ nước xa suối, thì có chất bẩn,— tức là những sự dị-đoan truyền-khẩu,— mà người ta pha lẫn vào đó; uống vào, khó khỏi mắc bịnh. Vậy ta cần phải nhờ Đức Thánh-Linh mà tra-xét Kinh-thánh, lọc trong từ nguồn, nước đó «sẽ thành một mạch nước trong người đó, văng ra cho đến sự sống đời đời,» (Giăng 4: 14), chẳng cũng phước cho người uống lắm sao?—T. K. B.

XIN cầu-nguyện cho tòa báo được biết ý-chỉ Chúa, được dư-dật khôn-ngoan và tài-chánh, ngõ hầu Thánh-Kinh Báo đạt tới mục-đích và được kết-quả thiêng-liêng. Hãy đọc Thánh-Kinh Báo và cổ-động nhiều người mua Thánh-Kinh Báo. Làm như thế, là gánh chung chức-vụ với Thánh-Kinh Báo.

ĐẠO-LÝ DIỄN-ĐÀN

CHRIST, ĐẤNG LÀM THỎA LÒNG NGƯỜI

Sự ao-ước của các nước hầu đến. (A-ghê 2 : 7). Hãy khoái-lạc nơi Đức Giê-hô-va, thì Ngài sẽ ban cho ngươi điều lòng mình ao-ước. (Thi-thiên 37 : 4).

MỤC-SƯ A. B. SIMPSON, THẦN-KHOA TẤN-SĨ
(Sáng-lập Hội «Christian & Missionary Alliance»)

KHI giảng cho người A-thên, sứ-đồ Phao-lô có nói: Loài người hay «tìm-kiếm Đức Chúa Trời, và hết sức rờ tìm cho được» (Sứ-đồ 17: 27). Đó là bức tranh đáng thương mà Phao-lô vẽ một bọn người ở nơi tối-tăm đang giơ tay rờ tìm một Đấng mà tự-nhiên họ biết phải có, nhưng chưa cảm-giác chắc-chắn. Có khi họ nhờ tượng-cảm để hướng lòng về Đấng quyền cao hơn mình. Có khi họ nhờ những điều yêu-mến ước-ao thế-gian để được thỏa nguyện. Dầu họ làm vậy, song thật vẫn không biết lòng mình khát-khao Đức Chúa Trời như thế. Có khi họ lại thờ sự giàu-có làm chúa, mà nói: Ta giàu, chắc sẽ đủ dùng suốt đời. Thế là họ nhờ sự phú-qui khiến mình khỏi thiếu-thốn cũng như tín-đồ nhờ Đức Chúa Trời sắm cho những thứ cần dùng vậy. Tôi có nghe một chuyện: Một bà mẹ kia, vì con chết, đến nỗi hóa điên, bèn quấn chăn vào một cái gối mà ẵm, vì mê-tưởng đó là con mình để «rờ tìm cho được.» Người đời cũng vậy, mê-thích sự vui-sướng, sự ước-ao để nhờ những sự bị dựng đó làm cho thỏa lòng hơn Đấng dựng nên. Nhưng không biết rằng ma-quỉ chỉ dùng những cách giả-dối hư-không đó để lừa-gạt lòng họ, vì thật ra họ vẫn «tìm-kiếm Đức Chúa Trời, và hết sức rờ tìm cho được.»

A. B. SIMPSON

Lòng người cần tìm-kiếm Chúa, là Đấng đã dựng chúng ta làm của riêng Ngài, khác nào con đỏ cần mẹ, chiên con cần người chăn, hoa cỏ cần ánh sáng, nhánh cây cần gốc để sanh trái. Ngoài Chúa ra, người đời kiếm đâu được sự yên-nghỉ chơn-thật?

1.—Đức Chúa Trời là nơi ẩn náu duy nhứt của tội-nhơn. Ta lọt lòng ra đời, đóng một vai trên sân khấu mà không có quyền tự-do lựa-chọn. Sống ở đời, ta cần dùng không biết bao nhiêu mà kể, chỉ có Chúa mới cứu-giúp cho được. Ta cần phải có Đấng Trung-bảo có phép đứng trước tòa án đời đời cầu thay cho ta, và đứng ngang hàng với loài người nghèo-khó, vô-quyền, tội-lỗi mà ở bên cạnh ta, để Ngài nhận tay cả đôi: Chúa và ta vậy. Ngoài Đấng Christ, ai có thể giải-quyết được vấn-đề báo-trả hình-phạt tội-lỗi và cung-cấp mọi sự cần dùng cho linh-hồn đáng phải tội và đáng bị phá-hủy? Ngoài Đấng Christ khiêm-nhường hạ mình, ai chịu vui lòng và có thể hiệp một với loài bội-bạc đã bỏ lòng yêu-thương của Ngài mà đóng đinh Ngài trên cây thập-tự cách hung-dữ vô-hạn?

2.—Đấng Christ là nơi ẩn-náu duy-nhứt của tín-đồ. Ta dầu được cứu,

cũng còn phải nhờ Ngài trong mọi sự. Đời ta vẫn phải cần đến Ngài. Ngài là Đầu, ta là chi-thể, phải nhờ Ngài mới được sống. Ngài là gốc nho, ta là nhánh nho, phải ở luôn trong gốc. Ngài là bánh hằng sống, phải nhờ Ngài mới được sự sống mà Ngài đã ban. Ngài là Đấng chăn chiên, phải nhờ Ngài mới được săn-sóc gìn-giữ. Ngài là Đấng cầu thay, phải nhờ Ngài mới được hòa-thuận hiệp ý với Đức Chúa Cha mãi. Ngài là Đấng làm đầy mọi sự, phải nhờ Ngài từng giây từng phút trong đời sống. Ngoài Ngài, ta không thể làm gì được hết.

3.—Chỉ có Đấng Christ mới làm được thỏa lòng người. Ngài ban chính mình cho ta, đó là sự ban quí-báu hơn hết. Ngài yêu riêng từng người, mà lại tỏ lòng yêu ấy cho chúng ta biết. Đối với người yêu Ngài, Ngài phán rằng: Ta sẽ «tỏ cho người biết ta.» (Giăng 14 : 21). Loài người không thể lấy từng-trải mà cắt nghĩa hay hiểu-biết được sự giao-thông mầu-nhiệm của Đức Chúa Jêsus-Christ với lòng người được Chúa tỏ mình ra cho. Ngài nhờ cảm-giác của tâm-thần loài người mà đến với tín-đồ, chớ không phải nhờ sự giao-thông người nọ với người kia vậy. Dẫu vậy, sự giao-thông thiêng-liêng đó quả là thật có và thật làm thỏa lòng tín-đồ.

Lòng nào yêu Chúa đủ đường,
Mới hay biết sự yêu-thương của Ngài.

Sự yêu-thương thiêng-liêng đó chẳng hề ngăn-cấm tình yêu-thương trong-sạch của loài người đối-đãi với nhau; song lòng yêu-thương trước sâu-nhiệm hơn tình yêu-thương sau không biết bao nhiêu mà kể. Ta có thể nói với bạn rất yêu-dấu rằng: «Bởi sự yêu-thương Đấng Christ, tôi yêu anh gấp hai khi trước; song đối với Ngài, tôi vẫn yêu hơn mọi người, không sao tả hết được lòng yêu đó.»

4.— Không cứ tư-chất, tánh-nết và học-thức của người đời thế nào, Đấng Christ cũng giao-tiếp được hết. Anh em có trí-tuệ cao-xa ư? Đấng mà «trong Ngài đã giấu-kín mọi sự quí-báu về khôn-ngoan thông-sáng,» (Cô-lô-se 2 : 3) cũng có thể hiểu thấu và phán-đoán ý-tưởng rất thâm-thúy của anh em, chẳng ai bằng Ngài. Vả, anh em có tánh đơn-sơ, không có học-thức, hằng ngày phải làm-lụng ư? Ngài ở đời, làm con nuôi người thợ mộc, có thể đứng vào địa-vị khiêm-nhường mà thương-xót anh em. Chị em là đờn-bà ư? Ngài là Con người hiểu thấu hết các hạng người, cũng làm thỏa tình cảm cao-thượng của chị em được. Các em là con trẻ ư? Ngài đã từng-trải thời-kỳ thơ-ấu, nên hiểu được mọi ý-tưởng và các sự khó chịu của các em. Anh em có chức cao trong chánh-giới hoặc thương-giới ư? Ngài là Đấng ngồi trên tòa vũ-trụ và quay-chuyển then-máy tạo-hóa, cũng có thể làm «Đấng Mưu-luận» cho anh em, chẳng ai bằng Ngài.

Người đời chỉ có thể kết bạn với một bọn người gần-gũi, hoặc đi lại với bà-con trong họ. Ngài làm bạn với hàng triệu người, cũng như làm bạn với từng người một. Không cứ địa-vị nào, mỗi giây-phút, ta có thể đòi Ngài đem toàn-lực mà chú-ý đến mình, và coi mình như bạn thân của Ngài. Ai làm lòng mình được thỏa bằng «bạn tríu-mến hơn anh em ruột.» (Châm-ngôn 18: 24). Ai cho mình hưởng bình-an, khoái-lạc, và thỏa-thích được bằng Ngài? Ai cho ta hưởng vui-thú đặc-biệt lúc bình-thường, hoặc yên-ủi ta lúc hoạn-nạn bằng Đấng Christ toàn-năng?

5.—Đấng Christ là bạn-hữu duy-nhứt có quyền vô-cùng vô-hạn để giúp-đỡ ta. Có lẽ người khác cũng yêu ta lắm, nhưng quyền người có hạn có chừng. Ngài có thể dùng toàn-năng vũ-trụ để làm thành ý Ngài. Sự yêu-thương Ngài rộng-rãi bao nhiêu, thì quyền-năng Ngài lớn-lao bấy nhiêu. Bất luận đờn-ông hay đờn-bà, tình-hình hiện-tại hay tương-lai, mọi việc xảy ra đều phải phục dưới ý-muốn Ngài. Chẳng những thế, mà Ngài

cũng là Đấng dựng nên người nữa. Ngài đã làm ra tánh-tình người đời lúc ban đầu, nên biết cung-cấp cho sự cần dùng. Ngài đã dựng nên người làm của riêng thuộc về Ngài, nên chỉ Ngài mới làm đầy-đủ sự cần dùng cho người được.

6.—Chỉ Đấng Christ có thể bảo-lãnh cuộc tương-lai anh em. Các bạn khác đã lìa-bỏ anh em; cha mẹ, bà-con rất yêu-dấu đã mất cả. Bạn thiết lần lần qua đời, không bao lâu đời mình cũng như một nơi thương-nhớ và chỗ nghĩa-địa. Nhưng Ngài sống đời đời, Ngài là Đấng ban đầu và cuối-cùng. Ngoài Ngài, trong cuộc tương-lai, chẳng có gì là chắc cả. Người nào không nhờ lời Ngài, thì đời họ buồn-bực biết bao! Nhưng, vui thay! nhìn lên bậc thang trên trời, rồi từ chót thang đó nghe tiếng Chúa phán: «Nầy, ta ở cùng ngươi, ngươi đi đâu, sẽ theo gìn-giữ đó,... vì ta không bao giờ bỏ ngươi cho đến khi ta làm xong những đều ta đã hứa cùng ngươi» (Sáng-thế Ký 28: 15).

Đấng Christ, Hòn Đá các đời,
Vững-vàng đứng mãi về dài, về lâu;
Lo hiện-tại, liệu trước sau,
Từ đầu đến cuối biết đâu là cùng.

Không cứ đời ta gặp cảnh-ngộ nào, Ngài cũng vẫn phán: «Khi ngươi vượt qua các dòng nước, ta sẽ ở cùng; khi ngươi lội qua sông, sẽ chẳng che-lấp.» (Ê-sai 43: 2). Khi ta qua trũng tối-tăm vắng-vẻ mà bạn khác không đi cùng, ta sẽ còn nghe có tiếng Ngài phán: «Nầy, ta thường ở cùng các ngươi luôn cho đến tận-thế.» (Ma-thi-ơ 28: 20). Khi ta đứng trước mặt Đức Chúa Jêsus trong đời lớn-lao ngày sau, thấy mọi sự lạ, Ngài sẽ có mặt tại đó mà đưa ta vào: Ngài sẽ đáp các câu hỏi về chúng ta là người thế nào mà được phép vào đó; chỉ có Ngài là Đấng ta quen-biết, không lạ, nên lòng ta yên-vui ở trên trời. Đến một ngày kia, «các từng trời cuốn lại như cuốn sách» (Ê-sai 34: 4). Quan-xét và Vua sẽ hiện ra trên mây oai-nghi. Khi rước ta, Ngài sẽ nhìn mặt ta mà mỉm cười, và ta sẽ nhận-biết Ngài, gặp Ngài trên khoảng-không, vui-vẻ dường bao! Bạn nào bằng Ngài? Ta há hay đem đều gì ở thế-gian mà sánh với Đấng Christ được?

7.— Chỉ có Đấng Christ là bạn không ích-kỷ. Bạn rất yêu-dấu ở đời nầy cũng không khỏi không tìm lợi riêng. Trước khi ta nghĩ cách yêu Ngài, tức khi ta không đáng để Ngài lo đến, thế mà Ngài đã yêu ta, và không cứ ta ở địa-vị nào, Ngài cũng yêu ta mãi mãi. Đó bởi Ngài có lòng yêu-thương rộng-rãi và chọn ta không vì đều tốt-lành nào trong ta vậy. Vì cớ ấy, biết rằng dầu ta tự ngăn mình, nhưng Ngài sẽ cứ yêu ta, cứu ta và ban phước cho ta cho đến cuối-cùng. Ta không có bạn nào giống Ngài cả.

8.— Chỉ có Đấng Christ là Chủ xứng-đáng mà ta hết sức hầu việc, hết lòng thờ-phượng. Lòng người muốn có một Chúa đáng yêu-mến. Không việc nào giục ta sốt-sắng hăng-hái làm-lụng bằng sự hầu việc Đấng Christ. Đó là một cách làm phước cho đồng-loại; đó là việc cao-trọng được phần thưởng lớn-lao quí-báu hơn hết. Không chức-vụ nào đáng sánh với chức-vụ đó. Lòng dục-vọng loài người, quyền-thế đời nầy, và việc làm thế-gian đều là ích-kỷ, nhỏ-mọn và tạm-thời. Những bậc rất cao-trọng của loài người cũng dự phần với việc vinh-hiển nầy, là việc làm phước và ban ơn đã được nhiều kết-quả đáng khen lạ-lùng, là việc sẽ được Chúa thưởng một cách oai-nghi đời đời vô-cùng.

9.— Chỉ Đấng Christ có thể làm đầy mọi sự cần dùng cho người. Ngoài Ngài, ai hay xét công-bình những sự trái phép của thế-gian sa-ngã trong vòng tội-lỗi? Quyền-thế loài người đã thất-bại. Những cách cai-trị thế-gian mà người đời đã hết sức xoay-xở đều vô-hiệu hết. Đó vì cớ gì? Chính vì không phục quyền Tạo-Hóa, không nhờ sự yêu của Đức Chúa Cha, không biết giao-thông với Đức Chúa Jêsus-Christ. Không bao lâu, thế-gian sẽ tới thời-kỳ

hết khôn hết khéo, mà mong «sự ước-ao của các nước hầu đến.» Thế-gian rờ tìm Chúa đã lâu lắm rồi. Lúc đó, sẽ nhận Chúa là Đấng đến giải-cứu và làm Vua chơn-thật. Ta là tín-đồ, bởi lời quí-báu của Chúa, đã được rõ luật-pháp nước Ngài; ta cũng dự phần vinh-hiển lập-thành nước đó. Vậy, việc quan-trọng nhứt của đời mỗi tín-đồ là trước phải tôn Chúa làm Vua lòng mình, sau hầu việc Chúa, đem mũ triều-thiên của cả vũ-trụ mà đội trên đầu Ngài.

MỘT NHÀ KHOA-HỌC LÀM CHỨNG

Một dây liên-lạc buộc chặt cả bộ Kinh-thánh

KINH-thánh giống một người sống, mọi phần liên-lạc với nhau, hễ động đến một phần nào, thì toàn-thể dấy lên phản-đối. Các sách tiên-tri và các sử-ký làm chứng lẫn nhau, Tân-ước làm chứng cho Cựu-ước, chính Đức Chúa Jêsus-Christ bảo-lãnh cho cả Kinh-thánh cũng như Kinh-thánh bày-tỏ và rao-truyền Ngài vậy. Khi xét kỹ mấy đoạn đầu thuật cuộc sáng-tạo thế-gian, loài người được dựng nên và sa-ngã, mà một vài người đã từng tranh-luận kịch-liệt, thì tôi bèn nhớ đến mối liên-lạc tốt-đẹp đó.

Câu đầu Kinh-thánh chép: «Ban đầu Đức Chúa Trời dựng nên trời đất,» thì sách lịch-sử Nê-hê-mi (9:6), sách tiên-tri Ê-sai (40: 26; 45: 18), sách tiên-tri Giê-rê-mi (10: 12; 32: 17) và vô-số chỗ khác trong Tân Cựu-ước đều có chứng về sự đó.

Về cuộc dựng nên loài người, sách Sáng-thế Ký 1: 27 nói rõ trước nhứt. Câu đó dài độ hai dòng, thế mà ba lần nhắc đến hai chữ «dựng nên» (nguyên-văn là *bara*). Đoạn 2 câu 7 lại dùng những tiếng «nắn nên hình» (nguyên-văn là *jatzar*) để tỏ Đức Chúa Trời dường đã dùng cả quyền sức mà dựng nên loài người quí-báu. Ý đó sau được chứng rõ bởi Thi-thiên (8: và 119: 73), và sách Gióp (10: 8-9).

Về sự Đức Chúa Trời hà sanh-khí vào lỗ mũi loài người, ta đã thấy trong Sáng-thế Ký (2: 7); lại thấy ở nhiều sách khác, như Xa-cha-ri (12: 1) và Truyền-đạo (12: 7), mà nhứt là ở Gióp 23: 4, lại càng nói rõ về ý đó lắm.

Còn như loài người sa-ngã, chẳng những sách Sáng-thế Ký luận đến thôi đâu, mà thơ Rô-ma (5: 12, 18, 19) và thơ I Cô-rinh-tô (15: 21) cũng nói đến nữa.

Vậy ta nên tin chắc rằng các phần Kinh-thánh thật là liên-lạc với nhau và ba đoạn đầu sách Sáng-thế Ký được cả Tân Cựu-ước hết sức binh-vực. Mối liên-lạc đó rất có bằng-cớ đích-xác. Vậy biết Kinh-thánh là lời Đức Chúa Trời, được Đức Thánh-Linh hà hơi.

Tuy có vài nhà thần-đạo-học còn đang cãi-lẫy về một đôi câu trong Kinh-thánh là chơn-chánh hay không, song tôi cũng dám nói quyết rằng: «Đức Chúa Trời chẳng phải là người để nói dối» (Dân-số Ký 23: 19; Châm-ngôn 14: 5; Hê-bơ-rơ 6: 18), hoặc để lừa-dối con-cái Ngài (Lu-ca 12: 11,12). Tôi lại biết Đức Chúa Jêsus chẳng hề hỏi về sự chơn-chánh và căn-nguyên đó. Ngài công-nhận cả Kinh-thánh đều đến từ Đức Chúa Trời và có quyền Đức Chúa Trời. Ta không muốn trổi hơn Ngài mà không công-nhận như thế.

Tôi là một nhà khoa-học, trong khoảng bốn mươi năm nay tra-xét cuốn sách Sáng-thế Ký tốt-đẹp kia, thật lấy làm lạ. Vậy tôi tin rằng có mối hòa-hiệp lạ-lùng ở giữa sự khải-thị của Kinh-thánh và sự khải-thị của cõi thiên-nhiên. Tôi mong mối hòa-hiệp ấy cũng giúp cho nhiều người thêm mạnh đức-tin. Tôi vừa cầu-nguyện với Đức Chúa Trời như thế, vừa nài-xin nhiều người cầu thay cho tôi, khiến tôi được dắt-dẫn và giữ-gìn trong công-việc lớn-lao đó.

Theo ý bài «L'AUTORITÉ DES ECRITURES» của HENRI DEVAUX, Giáo-sư Trường Khoa-học Cao-đẳng, Bordeaux: đăng trong báo LE CHRISTIANISME AU XX° SIÈCLE.

NHỮNG MÓN QUÀ NGON

ĐỊA-NGỤC CÓ XA KHÔNG?

Ở NHỮNG nơi khai mỏ, có khi phải đào xuống đất sâu đến một cây số, mới lấy được than hoặc các loài kim. Những khách du-lịch, vì tánh tò-mò, thường thích xuống hầm mỏ mà xem-xét.

Một bữa, có một ông khách là người vô-tín, xin phép xuống thăm một mỏ kia. Trong khi theo một người thợ mỏ, là tín-đồ Đấng Christ, ngồi trong thang máy, thì ông ấy có nói lắm lời thô-tục và phạm-thượng, làm mếch lòng người thợ đó lắm. Ông ta hỏi: «Địa-ngục có xa bằng đáy mỏ nầy không?»

Bác thợ mỏ đáp: «Thưa ông, tôi không biết địa-ngục cách xa chừng nào; nhưng, nếu chiếc thùng thang máy nầy đứt, thì chưa đầy hai phút, ông sẽ ở đó.»

«Chớ hề dối mình; Đức Chúa Trời không chịu khinh-dể đâu; vì ai gieo giống chi, lại gặt giống ấy» (Ga-l. 6: 7).

MUỐN LÀM HẠNG NÀO?

VỀ sự thí của, có ba hạng người: Hạng thứ nhứt ví như hòn đá, hễ muốn được gì, thì phải lấy búa mà đập; song chỉ được đá vụn và lửa nẩy mà thôi. Hạng thứ nhì ví như bọt biển, càng bóp bao nhiêu, thì càng được nhiều nước bấy nhiêu. Hạng thứ ba ví như tàng ong, không cần phải đập hay phải bóp, tự-nhiên cũng được mật ngon.

Hạng thứ nhứt là người cứng lòng và hà-tiện, nếu không bị ép thì không chịu cho chút gì. Hạng thứ nhì là người có lòng tốt, hễ quyên thì cho, càng quyên càng cho. Hạng thứ ba là người vui lòng mà cho cách ngọt-ngào, chớ không đợi ai phải hỏi. Vậy độc-giả muốn làm hạng người nào?

«Hãy biết rõ đều đó, hễ ai gieo ít thì gặt ít, ai gieo nhiều thì gặt nhiều. Mỗi người nên tùy theo lòng mình đã định mà quyên ra... Đức Chúa Trời yêu kẻ thí của cách vui lòng.» (II Cô-r. 9: 6, 7).

AI BIẾT SUY-GẪM?

«TÔI yêu-mến luật-pháp Chúa (tức là Kinh-thánh) biết bao! Trọn ngày tôi suy-gẫm luật-pháp ấy.» (Thi-thiên 119: 97).

Andrew Bonar có nói về một người tín-đồ đơn-sơ ở nhà-quê đã «suy-gẫm» suốt bộ Kinh-thánh đến ba lần. Ấy chính là ý của trước-giả câu Thi-thiên ở trên vậy. Không những xem mà thôi đâu, lại còn suy-gẫm nữa, đến nỗi giống như ông *Luther* «đã rung mỗi cây trong vườn Đức Chúa Trời và lượm lấy trái.» Nguyên-văn hai chữ «suy-gẫm» có ý là đặt mình vào giữa một việc gì để hiểu thấu lấy sự thật. Sự suy-gẫm quan-thiệp với trí-khôn cũng như sự tiêu-hóa quan-thiệp với thân-thể. Nếu ăn không tiêu, thì thân-thể không được ích-lợi mà ngày một gầy-còm. Nếu muốn được ích lớn trong những đều thấy nghe, thì ta phải có sức tiêu-hóa về phần trí, tức là sự «suy-gẫm» vậy. Nếu muốn mua lẽ thật, ta phải trả giá như lời Phao-lô gởi cho Ti-mô-thê rằng: «Hãy săn-sóc chuyên lo những việc đó, hầu cho thiên-hạ thấy những sự tấn-tới của con.» Vua Đa-vít yêu-mến lời Chúa, nên mới suy-gẫm; càng suy-gẫm, nên càng yêu-mến bội phần.

LỊCH-SỬ KHÁC VỚI ĐỨC-TIN!

MỘT người Nhựt-bổn đã trở lại đạo, có nói:

«Tin Đức Chúa Jêsus chết, thì chẳng được cứu, vì chỉ là đều thuộc về lịch-sử mà thôi. — Nhưng tin Đức Chúa Jêsus *chết vì tôi*, thì được cứu, vì đó là đức-tin.» Vậy, hỡi anh em! muốn có đức-tin hay muốn thuộc lịch-sử?

CÓ HUYẾT Ở ĐÓ KHÔNG?

NGƯỜI Giu-đa (Juifs) thuật một chuyện cảm-động về lễ Vượt-qua thứ nhứt, tức là một đều kinh-khiếp mà thiên-sứ Chúa đến hủy-diệt các con trưởng-nam của xứ Ê-díp-tô, nhưng không làm hại những nhà người Giu-đa có huyết bôi trên cột và mày cửa.

Một người Giu-đa kia chỉ có một cậu bé chừng mười tuổi, nâng-niu qui-hóa lắm. Bởi huyết chiên con dùng trong lễ Vượt-qua bôi trên hai cây cột và mày cửa, nên mạng cậu được giữ khỏi lưỡi gươm thiên-sứ hủy-diệt.

Trước khi đi ngủ, cậu bé hỏi cha rằng: «Huyết có thật bôi nơi cửa không?» Cha nói quyết rằng mọi việc đã làm theo luật-pháp cả rồi. Cậu bèn ngủ.

Nhưng buổi tối đó, cậu ngủ không yên giấc, nhiều lần thức dậy, vừa sợ, vừa hỏi: «Cha yêu-dấu ơi, huyết có thật bôi nơi cửa không?» Lần nào cậu cũng được cha làm cho vững lòng.

Gần nửa đêm, cậu lại thức dậy, lòng đầy kinh-khiếp. Lần nầy, chẳng có đều chi khiến cậu yên tâm. Ông thân phải ẵm cậu để cậu tự thấy huyết cứu-chuộc.

Sợ thay! Cửa chưa bôi huyết, nên vẫn trắng tinh; chủ nhà đã sai đầy-tớ bôi huyết chiên con dùng trong lễ Vượt-qua rồi đấy, thế mà nó lại quên đi mất.

Người cha sợ-hãi, chạy đi kiếm huyết rảy vào cửa. Khi đã làm xong việc bỏ quên rồi, bèn đặt cậu bé nằm trên giường; cậu ngủ yên. Thiên-sứ hủy-diệt đi ngang qua, không ngừng bước trên cửa nhà đó.

Ngày nay, ta chỉ được cứu bởi tin Đấng Christ chịu chết trên thập-tự-giá núi Gô-gô-tha, để đền tội ta, cứu ta khỏi án phạt.

Nếu anh em có thể nói rằng: «Ngài đã yêu tôi và đã phó chính mình Ngài vì tôi», thì Đức Chúa Trời sẽ đáp: «Ta thấy huyết, sẽ vượt qua các ngươi; các ngươi sẽ không bị hủy-diệt.»

DỐT BIẾT, GIỎI KHÔNG!

ĐẦU thế-kỷ trước, lắm kẻ nói quyết rằng dân *Cafres* và dân *Hottentots* (giống đen ở Nam-phi-Châu) gần như muông-thú đến nỗi không thể đem những đều yếu-lược về văn-minh và về đạo Đấng Christ mà trau-giồi vào lòng họ được. Nhưng nhờ các giáo-sĩ Tin-lành tốn công nhọc sức, nên trong dân hai xứ đó cũng có nhiều người tập đọc và nhờ ảnh-hưởng Kinh-thánh mà con-cái họ hóa ra cao-thượng.

Một bữa, có hai giáo-sĩ tới thăm ông tù-trưởng giống đen đó, thấy ông đang ngồi trên nền nhà lầu. Ông gần chín mươi tuổi và đui-mù; ông biết khách là hạng người nào, bèn tuôn tràn giọt lụy, bắt tay họ, tạ ơn Đức Chúa Trời vì được họ đến thăm.

Đoạn, ông vừa bốc một nắm bụi đất, vừa nói: «Chẳng bao lâu, tôi sẽ lẫn với bụi đất nầy, nhưng tôi sẽ thấy Đức Chúa Trời. Tôi đui-mù, nên không thấy ánh sáng mặt trời nữa, song tôi sẽ thấy Đức Chúa Jêsus ngồi bên hữu Đức Chúa Trời và sẵn-sàng tiếp-rước linh-hồn tôi.» Lời người mọi-rợ nói đó thật trái với ý-tưởng của *Trajan*, vua nước Rô-ma ngày xưa hay bắt-bớ đạo, nói cách buồn-thảm khi sắp qua đời: «Đầu nầy không đội mão triều-thiên nữa, tai nầy không mê âm-nhạc nữa, mắt nầy không ưa cảnh đẹp nữa... Hỡi linh-hồn ta, sẽ đi đâu?» «Thế-gian cậy sự khôn-ngoan mình, chẳng nhờ sự khôn-ngoan Đức Chúa Trời mà nhận-biết Đức Chúa Trời.» (I Côr. 1:21).

NGỌN ĐÈN ĐẠO-ĐỨC

TÁNH-NẾT

Ở ĐỜI, bất cứ già trẻ, ai cũng xây nhà cho mình..... Nhà đó gọi là tánh-nết. Mỗi việc ta làm dường như hòn gạch dùng xây nhà đó. Nếu ta hằng ngày cẩn-thận, làm những việc tinh-sạch, đứng-đắn, ngay-thẳng để xây nhà đó, thì khi qua đời, sẽ có một tòa nhà đẹp-đẽ được Chúa và người khen-ngợi. Dầu vậy, tàu thủng một chỗ cũng đủ đắm-chìm, xích hỏng một vòng khó khỏi đứt gẫy; một việc hèn-mạt, một lời dối-trá đủ khiến trên tánh-nết ta có một vết dơ và ảnh-hưởng xấu còn mãi đời đời. Vậy nên hằng ngày ta phải để ý ăn-ở cho xứng-đáng. Họp ngày thành năm, họp năm thành đời: ngày đã xứng-đáng, thì năm cũng xứng-đáng; năm đã xứng-đáng, thì đời cũng xứng-đáng. Tục-ngữ bên Tây có câu: «Gieo một ý-tưởng, gặt một công-việc; gieo một công-việc, gặt một thói quen; gieo một thói quen, gặt một tánh-nết; gieo một tánh-nết, gặt một số-phận.» Lời đó thật có ý-vị lắm!

Trí-thức ta có bao nhiêu tài-năng, tức có bấy nhiêu thợ xây tánh-nết. Ngày chứa tháng dồn, mỗi việc ta làm đều giúp cho tánh-nết càng thêm tăng-tiến, khác nào nay xây một tầng, mai cất một lớp, lâu ngày thành ra tòa nhà đồ-sộ nguy-nga mà mình không biết. Cái nhà tánh-nết đó còn lại mãi mãi, nên Kinh-thánh dạy ta phải biết cách xây-cất thế nào và xem-xét nền-tảng có vững hay không. «Chẳng ai có thể lập một nền khác ngoài nền đã lập, là Đức Chúa Jêsus-Christ» (I Cô-r. 3 : 11). Ta lo xây nhà, chẳng phải để được ngợi-khen trong đời tạm nầy, nhưng để nhà đó sẽ có giá-trị khi ta ứng-hầu trước mặt Đức Chúa Trời, tức là lúc mọi ý-tưởng sâu-nhiệm trong lòng ta sẽ lộ ra. «Ví bằng công-việc của ai xây trên nền được còn lại, thì thợ đó sẽ lãnh phần thưởng mình» (I Cô-r. 3 : 14).

Trí-thức là bởi ơn Chúa ban cho, nhưng tánh-nết thì tự ta nhờ Chúa mà làm lấy. Cần phải tập-luyện, khiến cho tài-năng trí-thức càng thêm giá-trị. Tài-năng ấy khác nào một nắm hột giống, nếu không gieo, không trồng, không bón-tưới, thì sao hay nẩy-nở mà có quả ngọt hoa thơm? Trí-thức không phải là tánh-nết, cũng như mầm không phải là cây, hột vải không phải là cây vải vậy. Chúa ban trí-thức khiến người làm thành tánh-nết. Trí-thức là vườn, tánh-nết là quả; trí-thức là giấy trắng, tánh-nết là chữ viết; trí-thức là bản chì, tánh-nết là nét khắc. Trí-thức là cửa hàng, tánh-nết là lời-lãi buôn bán. Muốn đắt hàng, phải bằng lòng bán nhiều mà ăn lãi ít; muốn tánh-nết cao-thượng, phải cố sức làm nhiều việc nhỏ để thu công lớn. Một đồng bạc ăn hai trăm trinh; người đời họp ngàn ý-tưởng muôn công-việc mà thành tánh tốt. Ý-tưởng kín-nhiệm dầu mình không tỏ, tư-dục ngấm-ngầm dầu mình không lộ, lời gian-dối dầu mình không nói ra miệng, sự phạm-thượng dầu mình vẫn chứa trong lòng, nhưng cũng có thể làm hỏng tánh-nết, và không sao che tai bịt mắt xã-hội được. Tánh-nết là sự mầu-nhiệm, phải cố sức làm cho hoàn-toàn mãi mãi. Tánh tốt hay xấu, phải trải lâu năm, họp mấy triệu ý-tưởng và công-việc mới làm nên được. Tánh tốt quí hơn ngọc, hơn vàng, hơn quyền-thế, hơn mão triều-thiên. Làm thành tánh tốt, là một việc trổi hơn mọi sự thế-gian.

Ở đời, ta phải có mục-đích cao-xa, nghĩ đến đời đời vô-cùng, chớ chẳng phải chỉ lo-tính trong tạm-thời mà thôi. Không nên để hoàn-cảnh uốn-nắn tánh mình. Ai bị hoàn-cảnh sai-khiến, ấy là một người rất nhát, «giống như sóng biển bị gió động mà đưa đi đây đi đó» (Gia-cơ 1 : 6). Cái giá một người có chí quả-quyết, chống nồi đều ác, giữ vững đều thiện, thật gấp triệu lần những người yếu chí nhát gan. Ta nên theo gương sáng của «Đa-ni-ên *quyết-định* trong lòng rằng không chịu ô-uế bởi đồ ngon vua ăn và rượu vua uống» (Đa-ni-ên 1 : 8).

Mỗi người nên kể tánh tốt bằng sự quí nhứt trong đời mình. Cố sức bươn theo mục-đích đó, thì đời mình sẽ có giá-trị với xã-hội và đẹp lòng Chúa. «Hễ làm việc gì, hãy hết lòng mà làm, như làm cho Chúa, chớ không phải làm cho người ta.» (Cô-l. 3: 23). «Hãy tìm đều công-bình, tin-kính, đức-tin, yêu-thương, nhịn-nhục, mềm-mại» (I Ti-mô. 6: 11). «Hãy nhìn xem Đức Chúa Jêsus» (Hê-bơ. 12 : 2). Nếu có mục-đích cao-xa như thế, dầu không tới được, nhưng lòng mình cũng sẽ hăm-hở bươn theo. Ông *Disraeli* có nói: «Một người thiếu-niên nếu không ngửa mặt lên trời, ắt sẽ cúi đầu trông xuống; tâm-thần không hướng về trời, chắc sẽ sấp mình mà bò trên đất.» Ai sống trong phạm-vi cao-xa, thì cách ăn nết ở sẽ đứng-đắn hơn người bậy-bạ. Thiếu-niên ra đời, lấy tánh tốt làm vốn, đã không sợ lỗ, mà lại được lời hơn vốn tiền-bạc. Dầu vốn khác không được lãi, nhưng vốn nầy cũng vẫn phát-tài, chẳng những trong đời nầy, mà đến cả đời sau nữa. Tánh-nết giống như hàng-hóa, càng buôn nhiều, càng bán được nhiều. Nó có quyền-năng, có ảnh-hưởng, chèo-kéo được lắm bạn-hữu, mời chào được nhiều khách đến mua hàng. Nó mở đường giàu-có, vui-vẻ, và được người khen-ngợi.

Thật vậy, việc nhỏ tỏ được tánh người hơn việc lớn, vì đối với việc nhỏ-mọn, lắm người không nghĩ đến, không lấy làm quan-hệ, tưởng làm thế nào cũng xong. Sự thật thà là hòn gạch góc nhà của tánh-nết. Lúc trẻ tuổi, nếu mình không lo xây vững hòn gạch góc nhà đó, thì suốt đời nền nhà chắc sẽ lún xuống và hỏng luôn.

Tóm lại, tánh-nết là sự cần nhứt trong đời người. Lẽ thật đó, đơn-sơ mà cao-cả, đẹp-đẽ mà oai-nghiêm, thật là một bài đạo-đức lúc trẻ nên học, khi già phải nhớ.

Xã-hội nào định giá tánh-nết càng cao bao nhiêu, thì trình-độ càng văn-minh bấy nhiêu. Chúa cứ theo tánh-nết mà xét trình-độ, giá-trị và sự phú-quí vinh-hiển chơn-thật của mỗi người, mỗi thành, mỗi nước. Người nào hoặc nước nào coi khinh tánh-nết, thì khó tránh khỏi tiếng bậy-bạ, hèn-mạt và mọi-rợ. Chỗ nào nhơn-dân không biết chú-trọng tánh-nết, thì ở đó đầy-dẫy tình-dục và tội-lỗi. Ai thích hư-danh hơn tánh-nết, ấy là người hèn.

Phải xét mọi sự—nào học-vấn, nào việc làm, nào cuộc chơi, nào thói quen, nào đường-lối lui tới—nếu có ảnh-hưởng tốt cho tánh-nết mình, thì mới là người đứng-đắn, đáng khen, đáng phục. Ai quí tánh-nết bao nhiêu, thì có giá-trị bấy nhiêu. Đó là mẫu-mực của một người vậy.

Suốt cả thế-gian, ta chỉ thấy có một Đức Chúa Jêsus, Con Đức Chúa Trời, là người tánh-nết trọn-vẹn. Nay muốn mặc lấy cái tánh-nết trọn-vẹn đó, thì ngoài sự dâng mình và phục Ngài ra, không còn cách nào khác nữa... Ôi, loài người có tánh yếu-đuối, vậy mà còn có hi-vọng, há chẳng phải bởi nhờ Ngài, nên mới đổi được lòng dữ ra lành, lòng hướng tội-lỗi ra lòng hăm-hở theo Chúa đó sao? Cho nên II Cô-rinh-tô 3: 18 có nói: «Chúng ta ai nấy đều để mặt trần mà nhìn xem vinh-hiển Chúa như trong gương, thì hóa nên cũng một ảnh-tượng Ngài, từ vinh-hiển qua vinh-hiển, như bởi Chúa, là Thánh-Linh.»— *Bà C. soạn.*

KHẢO-CỔ-HỌC VỚI KINH-THÁNH

I. CHỨNG-CỚ BẰNG CÁC CỔ-TÍCH

MỤC-SƯ *Spurgeon*, tấn-sĩ trứ-danh, đã nói rằng: Kinh-thánh dường như con sư-tử nhốt trong cũi: không cần nhờ ai binh-vực, chỉ cần thả ra là đủ. Nhà khảo-cổ nghiên-cứu về Kinh-thánh, không có ý thử Kinh-thánh là thật đâu, nhưng lấy việc đào đất ở phía tây-nam châu Á làm quan-trọng, vì việc đó giúp trí ta hiểu-biết Kinh-thánh và tưởng-tượng được rõ thêm về các chuyện chép trong đó.

Có nhiều sự chứng Lời Chúa là chơn-thật. Cái mai của những nhà khảo-cổ vẫn phát-lộ các nơi cổ-tích để tỏ Kinh-thánh là rất đúng. Đây là một trong năm bài mà ông J. R. Turnbull, mục-sư của nhà-thờ tây Hội Tin-lành ở Giê-ru-sa-lem, mới viết để cắt nghĩa về việc các nhà khảo-cổ đi thám-hiểm trong xứ Pha-lê-tin từ trước đến giờ.

Các nhà khoa-học bổn-đạo đó chẳng những cho sử-ký chép trong Kinh-thánh là đúng, mà lại phản-đối những người hiện-thời bẻ lầm và bảo Kinh-thánh chẳng phải bởi Chúa soi-dẫn. Bởi thế, họ chỉ giúp thêm chứng-cớ cho Kinh-thánh mà thôi. Ngày nay có giáo-sư dạy học-sanh rằng khoa-học phản-đối Kinh-thánh. Nhưng vui thay! bây giờ lại có khảo-cổ-học càng ngày càng phát-lộ được nhiều chứng-cớ, tỏ lời phản-đối đó là quá đỗi sai-lầm. Nay xin thử xét một vài việc đó.

Xưa kia, các người báng đạo hay nói quyết rằng chắc ông Môi-se không chép được năm quyển đầu trong Kinh-thánh, vì đời ông chưa ai biết viết. Nay nhờ khảo-cổ-học, ta biết rằng mấy thế-kỷ trước đời Môi-se, có một quan *Hammurabi*, tức là Am-ra-phên về đời Áp-ra-ham (Sáng-thế ký 14: 1). Vả, họ lại dùng cái mai mà khai-quật được tấm bia *Codex Hammurabi*, tính ra, bia đó đã có trước Đức Chúa Jêsus độ 2.100 năm rồi. Hiện nay họ đã dịch những chữ ở trong bia đó. Vậy người phản-đối không dám nói ông Môi-se không thể chép được năm quyển sách ấy nữa, vì sử-ký ngoại-đạo cũng công-nhận ba thế-kỷ trước đời Môi-se người ta đã biết viết chữ. Thuở trước, có tấn-sĩ trường cao-đẳng không muốn tin lời Kinh-thánh dạy về thành Ni-ni-ve và Ba-by-lôn, nên nói quyết chẳng có các thành cổ đó. Nhưng hai thành đó, và mấy thành cổ khác mà Kinh-thánh nói đến, nay đều phát-lộ. Trước kia, người vô-tín chê-cười và không công-nhận có người tên là Áp-ra-ham, nên nói chẳng hề có thành U-rơ xứ Canh-đê (Sáng 11: 31). Nhưng, hiện nay tại thành U-rơ đó có ông *Leonard Woolley* và *Colonel Laurence* đang khai-quật để phát-lộ ra.

Hồi hai mươi năm trước, các nhà công-kích bảo chẳng hề có dân Hê-tít (Xuất 23: 28), dầu Kinh-thánh nói đến dân ấy hơn bốn mươi lần. Nay các nhà bảo-tàng to nhứt thế-giới có bày các đồ cổ để chứng rằng xưa có nhiều thành-phố thuộc dưới quyền dân Hê-tít, là dân thù-nghịch dân Y-sơ-ra-ên vậy. Đất nước dân Hê-tít rộng từ xứ Mê-sô-bô-ta-mi đến biển Ê-ghê *(Archipel)*. Tấn-sĩ *Sellin* đang đào nơi thành Si-chem cổ, nói quyết rằng năm thế-kỷ trước đời Áp-ra-ham, dân Hê-tít đã có

một thành-phố rất lớn tại nơi đó.

Trước có nhà thông-minh vô-tín ngờ chuyện dân Y-sơ-ra-ên đã ngụ trong xứ Ê-díp-tô. Ông *Naville*, là người thám-hiểm, làm chứng rằng khi đào đất phát-lộ thành Phi-thom (Xuất 1: 11) là thành cổ dùng làm kho-tàng của xứ Ê-díp-tô, tìm thấy mấy bức tường: lớp dưới xây bằng gạch có nhiều rơm, lớp cao vừa có ít rơm, lớp cao nhứt không có rơm nữa. Sự đó đủ chứng Kinh-thánh (Xuất 5: 6-18) chép chuyện dân Y-sơ-ra-ên càng ngày càng phải đi xa để tìm rơm làm gạch cho tới khi không tìm được rơm mà làm đủ số gạch các chủ đã buộc phải làm, há chẳng thật lắm sao?

Đức Thánh-Linh rất cẩn-thận, chọn đúng từng lời để chép Kinh-thánh. Vậy, ai dám bẻ lời đó, thì hay sa vào vòng dại-dột sai-lầm. Khi sách Sứ-đồ tả sự từng-trải của Phao-lô tại thành Tê-sa-lô-ni-ca, thì tiếng nguyên-bổn (Gờ-réc) gọi «các quan-án trong thành» là *politarchs* (Sứ-đồ 17: 6). Các nhà phản-đối Kinh-thánh bẻ ông Lu-ca không giỏi tiếng Gờ-réc, vì trong các sách khác chẳng thấy có chữ *politarchs* nào cả. May thay! Mấy năm trước, mục-sư *Crosbie* đã tìm được một tấm bia cổ ở thành Tê-sa-lô-ni-ca, trong có câu cũng dùng chữ *politarchs* đó. Ông ấy đã đem bia đó biếu nhà Bảo-tàng nước Anh ở Luân-đôn. Từ đó trở đi, tấn-sĩ *Burton* lại tìm được mười chín câu cổ khác cũng dùng chữ đó. Lạ thay! chẳng phải người phản-đối kia dại-dột như thế, nhưng vì Đức Thánh-Linh đã chọn một lời rất đúng trong cả tiếng Gờ-réc được người ta dùng riêng trong thành Tê-sa-lô-ni-ca mà Phao-lô ở trọ.

Nhờ khảo-cổ-học, chúng ta mới giải nghĩa được mấy khúc Kinh-thánh khó hiểu. Trong II Sa-mu-ên 5: 8 (theo nguyên-bổn) vua Đa-vít hứa sẽ ban thưởng cho người lính thứ nhứt «lên cống» đánh dân Giê-bu-sít trong đồn mà binh vua đang hãm. Cống đó (tiếng Hê-bơ-rơ là *Tsinnor*) không phải là cống ngoài đường hoặc cống hứng nước mưa đâu, nhưng là một cống đục trong hòn đá lớn mà lính đồn bởi cống đó có thể múc nước suối nơi chơn núi. Bởi vậy, dầu bị quân nghịch vây hãm, cũng không sợ thiếu nước. Ông *Sir Charles Warren* đã tìm được cái cống đục trong hòn đá đó và thấy nó thông đến suối Ghi-hon, nên mới biết đúng mấy chỗ khác mà Kinh-thánh nói đến.

Đã lâu nay người ta vẫn tưởng núi Si-ôn ở về phía tây-nam thành Giê-ru-sa-lem cổ, nhưng nay nhờ cống nước mà ông *Sir Charles Warren* đã tìm thấy và kết-quả việc ông *MacAlister*, mới biết nó ở về phía đông-nam thành đó. Ngày nay người ta vẫn còn dùng cái suối cổ ở nơi chơn cống đó mà xưa dân Giê-bu-sít đã dùng. Trong đời Ê-sai, gọi suối đó là suối Ghi-hon; hiện nay những nhà du-lịch có thể đến chính chỗ bờ suối mà xưa Ê-sai nói chuyện với vua A-cha (Ê-sai 7: 3). Cũng nơi đó vua Đa-vít đã đưa con là Sa-lô-môn cỡi lừa khiến dân-chúng thấy con mình để chống cuộc A-đô-ni-gia dấy loạn (I Các Vua 1:). Nê-hê-mi cũng đã đến suối đó coi việc xây vách thành (Nê-hê-mi 3: 16). Biết nơi Ghi-hon ở đâu, thì cũng biết được En-Ro-ghen (I Các Vua 1: 9) và «ruộng thợ nện» ở gần «cống ao» ấy nữa (II Các Vua 18: 17). Vì ông *Warren* may đã tìm thấy cống ao đó, nên ta càng hiểu rõ nhiều câu Kinh-thánh lắm. Một đời trước, các người phản-đối Kinh-thánh đã ngờ chẳng có vua Đa-vít thật đâu, nhưng ngày nay những người đi thám xứ Pha-lê-tin, có thể thấy một cái bảng chỉ đường đi đến tường cổ mà dân Giê-bu-sít đã ngồi cười vua Đa-vít. Khi ta ngồi trên tường đó đọc Kinh-thánh về chuyện vua Đa-vít xâm-chiếm đồn ấy, thì dường như những lời các nhà phản-đối chế-nhạo đều theo tiếng dân Giê-bu-sít khoe-khoang, xấc-xược mà tan đi mất sạch. Vậy tưởng những người phản-đối đó cũng cùng một phường với hạng người mà vua Đa-vít gọi là «kẻ quê và kẻ đui».

TƯ-TƯỞNG HẰNG NGÀY

◇ ◇ ◇

Tháng Janvier, 1931

1.— Ta phải biết ăn-năn với nhau, vì ta phải ăn-năn với nhau (Xem Lu-ca 10 : 25-37).

2.— Tình yêu-thương làm chìa-khóa cho đời ta : nó mở lòng kẻ khác cho ta ; chẳng có nó, thì không thể giúp ích cho kẻ khác (I Cô-r. 13:).

3.— Hãy hết lòng ăn-ở, khiến ai đến với mình cũng được mạnh sức, tốt-lành và yên-ủi, không phải khóc-lóc. Hãy tìm tánh nhu-mì hay tha-thứ và sự khôn-ngoan hay hiểu-biết (Ê-p. 4:).

4.— Thà làm một việc rất nhỏ trên đời còn hơn bỏ phí nửa giờ mà coi là vô-giá-trị.— *Gœthe* (Lu-ca 16 : 10).

5.— Nếu phải khai-trình cùng Chúa mọi lời nói vô-ích, thì chắc cũng phải khai-trình mỗi đồng tiền tiêu vô-ích nữa (Ma-t. 25 : 14-30).

6.— Hãy gia-thêm luôn, hãy đi luôn, hãy tấn-tới luôn ; đừng dừng lại, đừng thối-lui, đừng đi lạc; ai dừng lại thì chẳng tấn-tới, ai lui lại thì chẳng đi lên, ai lầm-lạc thì phản-nghịch ; kẻ lẽo-đẽo trên đường còn hơn kẻ bỏ hẳn lối đi. —*Augustin* (Lu-ca 9: 51-62).

7.— Có người xưng mình là bạn Đức Chúa Jêsus, nhưng cứ nghịch cùng thập-tự-giá Ngài (Ma-t. 10 : 24-39).

8.— Không cần phải tìm cách chữa những tội-ác đời nay, bởi cách đó đã có rồi, tức là từ-bỏ mình vì những kẻ đã vấp-ngã không còn trông-cậy gì nữa ; hãy mở rộng lòng ; dầu họ làm gì, cũng cứ yêu-thương hết cả ; hãy sẵn lòng tha-thứ mọi đều, vì họ không hiểu-biết (Lu-ca 23 : 33-49).

9.— Nghe lẽ thật mà khó chịu, ấy là một dấu-hiệu xấu-xa (Giăng 3 : 14-21).

10.— Nếu Chúa chỉ-dẫn tôi, thì tôi đi lạc thể nào được ? (Gia-cơ 1 : 1-15).

11.— Mọi cơn đau-đớn khổ-sở của ta, tức là ơn-phước kinh-nghiệm ; vì lòng hồ-nghi chỉ thấy là đau-đớn khổ-sở, nhưng bởi đức-tin hay trông xa, ta thấy trong đó có đầy ơn-phước (Hê-b. 12 : 4-11).

12.— Yên-ủi người buồn-bực bằng yêu-thương, chớ không phải bằng trí-khôn.— *Pénélope* (I Giăng 3 : 14-24).

13.— Nên để sự thử-thách làm cho mình không ưa-thích mùi đời nữa, nhưng không nên để nó làm cho mình chán đời.— *Bercier* (I Giăng 2 : 15-25).

14.— Khi Đức Chúa Trời thấy ta ít nhận ân-điển Ngài, thì Ngài bớt ân-điển đi ; đó là lẽ tự-nhiên (Lu-ca 12: 41-48).

15.— Tội-lỗi là cội-rễ của mọi đều lo-lắng, của mọi sự nóng-nảy khó chịu và của phần nhiều cơn khóc-lóc.— *Meyer* (Rô-ma 5 : 12-21).

16.— Cầu-nguyện mà không kết-quả, là vì lòng không yên-lặng, đầy ý riêng và tư-tưởng thế-gian vô-ích bậy-bạ. Nên nhớ rằng thì-giờ cầu-nguyện cùng Chúa về việc đời nầy, đời sau rất là quan-trọng (Lu-ca 18 : 1-14).

17.— Phải nhớ rằng Đức Chúa Trời bảo làm việc gì thì cũng ban đủ ơn và sức để làm trọn việc đó. —*Stockmayer* (I Giăng 5 : 1-13).

18.— Trong giây-phút nầy, hãy làm việc cho xứng-đáng, không cần lo công-việc ngày mai (Cô-l. 3 : 17-25).

19.— Hãy chú-ý ! Đức Chúa Trời càng ban ơn-phước bao nhiêu, thì ma-quỉ càng cám-dỗ bấy nhiêu (I Cô-r. 10 : 12-20).

20.— Lòng nào đã từng đau-đớn rầu-rĩ, lòng ấy mới hiểu thấu được lòng đau-đớn rầu-rĩ của người khác. Vậy mới làm bạn tri-kỷ cùng nhau được (Hêb. 2 : 5-18).

21.— Mỗi lần Chúa bắt phải chịu đau-đớn, thì ta sẽ được ơn-phước hay phải vấp-phạm, là tùy lòng ta vui hay buồn mà chịu lấy cơn đau-đớn đó.— *A. Bœgner* (I Phi-e. 1 : 1-9).

22.— Muốn Chúa nhậm lời cầu-nguyện, ta phải hầu việc Chúa bằng trí-khôn, chơn tay, và tiền-của, chớ chẳng phải bằng môi-miệng mà thôi (I Phi-e. 1 : 1-9).

23.— Hỡi Chúa, xin giúp tôi sẵn lòng nhận lấy cách xứng-đáng mọi ơn Chúa đã sẵn lòng ban cho.— *Havergal* (I Cô-r. 7 : 17-24).

24.— Có ý-định, mới có đức-tin.— *Vinet* (Giăng 6 : 28-47).

25.— Nếu lòng và ý không hiệp với đức-tin, thì đức-tin không có giá-trị và không chơn-thật.— *Vinet* (Rô-ma 10).

26.— Bịnh rất nặng của linh-hồn, ấy là lòng nguội-lạnh.— *De Tocqueville* (Khải-h. 3 : 14-22).

27.— Có lòng yêu-thương, thì dầu phải vâng lời, cũng vẫn được tự-do.— *Vinet* (Rô-ma 8 : 1-17).

26.— Thì-giờ làm ơn chẳng phải tự-nhiên mà có, ấy là bởi lòng nhơn-đức mà để riêng ra ; kẻ ích-kỷ chẳng có thì-giờ đó.— *Vinet* (Ma-t. 20 : 20-34).

29.— Phải biết chịu đau-đớn và biết giữ kẻ khác khỏi đau-đớn.— *Jules Simon* (Ê-p. 6 : 1-10).

30.— Muốn được phước thì lòng phải có nguồn phước.— *Marie Valière* (Giăng 17 : 13-26).

31.— Không gắng sức đạt tới mục-đích, thì đáng lo hơn hết.— *George Eliot* (Phi-líp 3).

MỘT SÁCH LƯU-HÀNH KHẮP THIÊN-HẠ

HỒI tháng tư năm 1930, ông mục-sư Kilgour, thơ-ký của **Thánh-Thơ Công-Hội**, có diễn-thuyết về Kinh-thánh, đại-ý nói :

Lạ-lùng thay ! Kinh-thánh ghi-chép trong khoảng 2.000 năm, gồm cả sử-ký, thi-ca, lời tiên-tri và sự dạy-dỗ, thật đủ mọi phương-diện.

Sách đó chép bởi một dân rất nhỏ trên thế-giới, vậy mà làm cho cảm-động biết bao lòng người.

Kìa, biết bao sách-vở thế-gian, dầu khoa-học, dầu văn-học, có khi trải qua một thời-kỳ ngắn-ngủi, đã bị người ta coi như cái quạt mùa thu ! Sao bằng Kinh-thánh lấy sử cũ làm côn-cứ, dạy người biết bước từng-trải và tri-thức thiêng-liêng ; nói việc đã qua, hiện nay và ngày sau, có quan-hệ đến mọi sự của mỗi người, bất cứ văn-minh hay mọi-rợ. Dầu tác-giả là Đức Chúa Trời, song cũng tỏ rõ được tánh-tình loài người.

Sách của *Homère* dịch ra được độ 20 thứ tiếng, sách của *Shakespeare* độ 40 thứ tiếng, sách *Thiên-Lộ-Lịch-Trình* độ 125 thứ tiếng, nhưng Kinh-thánh đã dịch ra 900 thứ tiếng, hiện đang bày trong thơ-viện của Thánh-Thơ Công-Hội. Riêng một Hội ấy, từ lúc mới lập đến nay 125 năm, đã xuất-bản được 397.000.000 cuốn sách trong bộ Kinh-thánh bằng 622 thứ tiếng.

Vậy biết số phát-hành của Kinh-thánh nhiều hơn sách khác biết bao ! Đó há chẳng phải một cái minh-chứng lời Đức Chúa Trời là thật, là quí? Ở Đông-Pháp, ông mục-sư Th. Calas, số 66, Boulevard Amiral Courbet, Hà-nội, làm đại-biểu cho Thánh-Thơ Công-Hội.

LỖ VÀ LÃI
Nghiên-cứu Thi-thiên 51

I. Xem vua Đa-vít vì tội mình mà lỗ những gì :
   1. Lòng trong-sạch (c. 10).
   2. Sự giao-thông với Chúa (c. 11).
   3. Sự vui-vẻ về ơn cứu-rỗi (c. 12).
   4. Sự làm chứng cho người ngoại (c.13).
   5. Quyền để ngợi-khen Chúa (c. 15).

II. Xem vua Đa-vít vì xưng tội mình mà lãi những gì :
   1. Rửa sạch tội-lỗi (c. 2, 7).
   2. Xóa hết gian-ác (c. 9).
   3. Lòng mới, thần-linh ngay-thẳng (c.10).
   4. Sự vui-vẻ và sức nâng-đỡ (c. 12).
   5. Có tài dẫn tội-nhơn theo Chúa (c.13).
   6. Miệng lưỡi khen-ngợi Chúa (c.14, 15).
   7. Được Chúa nhậm của-lễ (c. 16-19).

—D. W. WHITTLE.

TỪ TỐI RA SÁNG
Nghiên-cứu Mác 10 : 46-52

I. Cảnh-ngộ của Ba-ti-mê (c. 46).
   1. Ngồi bên đường, gần Giê-ri-cô.
   2. Đui-mù.
   3. Ăn mày.

II. Sự bạo-dạn của Ba-ti-mê (c. 47).
   1. Đã nghe nói.
   2. La lên.
   3. Tin là Chúa.

III. Sự tối-trọng của Ba-ti-mê (c. 48).
   1. Bị người can-ngăn.
   2. Cứ kiên-tâm.
   3. Đắc-thắng.

IV. Sự yên-ủi của Ba-ti-mê (c. 49-52)
   1. Được Chúa Jêsus kêu đến (c. 49).
      a) Ba-ti-mê bỏ áo ngoài.
      b) Đứng dậy.
      c) Bước tới.
   2. Được Chúa tiếp-rước (c. 51).
      a) Ba-ti-mê xưng Jêsus là Chúa.
      b) Xưng Jêsus là Đức Chúa Trời.
   3. Được Chúa chữa sáng mắt (c. 52).
      a) Ba-ti-mê ngợi-khen Chúa.
      b) Đi theo Chúa trên đường.

—ARTHUR E. GLASS.

TÍN-ĐỒ MANG TAI MẮC TIẾNG
Lót dời trại mình đến Sô-đôm

Sáng-thế Ký 13 : 12

Lót làm hình-bóng về một tín-đồ không trung-tín.

1. Lót bước đi bằng sự thấy hơn bằng đức-tin. «Lót ngước mắt lên, thấy khắp cánh đồng bằng bên sông Giô-đanh, là nơi... thảy đều có nước... như xứ Ê-díp-tô.» Sáng 13 : 10.
2. Lót chọn vì cớ ích-kỷ. «Lót chọn lấy cho mình hết cánh đồng bằng bên sông Giô-đanh.» Sáng 13 : 11.
3. Lót bước lần vào vòng phá-diệt. «Lót ở trong thành của đồng bằng.» Sáng 13 : 12.
4. Lót sa-ngã từng bước một. (Sô-đôm là hình-bóng về thế-gian). «Lót dời trại mình đến Sô-đôm.» Sáng 13 : 12.
5. Lót hiệp một với việc làm và nhơn-dân Sô-đôm. «Lót đương ngồi tại cửa thành.» Sáng 19 : 1.
6. Lót thiếu mất quyền và lời chứng. «Các chàng rể tưởng Lót nói chơi.» Sáng 19 : 14.

—H. C. FULTON.

LỜI CHÚA HIỆU-NGHIỆM THẾ NÀO

1. Bởi lời Chúa, chúng ta được sanh ra. Gia-cơ 1 : 18 ; I Phi-e-rơ 1 : 2, 3 ; Giăng 6 : 63.
2. Bởi lời Chúa, chúng ta được nuôi-nấng. I Phi-e-rơ 2 : 2; Giê-rê-mi 15 : 16 ; I Cô-rinh-tô 3 : 2; Hê-bơ-rơ 5 : 12-14.
3. Bởi lời Chúa, chúng ta được gây-dựng. Sứ-đồ 20: 32; Giăng 17: 17; I Tê-s. 2: 13.
4. Bởi lời Chúa, chúng ta được giữ-gìn. Thi-thiên 17 : 4 ; 119 : 11.
5. Bởi lời Chúa, chúng ta được tinh-sạch. Thi-thiên 119 : 9 ; Ê-p. 5 : 26; Giăng 15 : 3.
6. Bởi lời Chúa, chúng ta được sắm-sẵn hầu việc. II Ti-m. 2: 15; 3: 16, 17.
7. Bởi lời Chúa, chúng ta được thắng mọi sự. Giê-r. 23 : 29; Hê-b. 4 : 12.

— W. H. P.

PHẦN NHI-ĐỒNG

Hoa-Tâm-Hội

AI thích hoa? Các em nhỏ thích, phải không? Phải, các em thích hoa. Ai nữa? Cha mẹ các em thích hoa không? Phải. Mẹ vui khi con cho mẹ một bông hoa, vì tỏ lòng yêu mẹ, và mẹ cho con là đẹp như hoa!

Ai thích hoa nữa? Ai sanh ra hoa? Người hay là Đức Chúa Jêsus? Phải, Đức Chúa Jêsus sanh ra, và Ngài cũng yêu hoa lắm. Ngài có dựng nên các thứ hoa khác nhau, nhưng đều đẹp hết cả.

Đức Chúa Jêsus thích các hoa; nhưng Ngài thích gì hơn nữa? Ngài thích các con trẻ hơn các thứ hoa.

Đức Chúa Jêsus có sanh ra các hoa đề dạy chúng ta rằng Ngài muốn trong lòng chúng ta đẹp như bông hoa.

Nếu em nào đọc bài nầy, muốn xin Chúa làm lòng mình đẹp như hoa, thì xin các em viết vào tờ vẽ cài trong bổn-báo, mà **gởi lại cho Chị Hoa-Hồng, số 1, phố Nguyễn-Trãi, Hà-nội, Bắc-kỳ.** Chị Hoa-Hồng sẽ tặng em một cái ảnh đẹp có viết tên của em. Nhưng xin các em viết tên và chỗ ở rõ-ràng. Nếu không, thì Chị Hoa-Hồng không thể gởi ảnh cho các em được.

Chúng tôi sẽ đặt tên Hội của các em là

«HOA-TÂM-HỘI»

Các em trong Hoa-Tâm-Hội phải hứa cầu-nguyện mỗi ngày hai lần, và cầu-xin Đức Chúa Jêsus-Christ như thế nầy:

«Lạy Đức Chúa Jêsus-Christ, con cầu xin Ngài làm cho lòng con đẹp như bông hoa trước mặt Đức Chúa Trời, nhờ Đức Chúa Jêsus-Christ.— Muốn thiệt hết lòng.

Muốn dự Hội, phải cầu-nguyện theo bài trên, và xin gởi tờ vẽ cho Chị Hoa-Hồng biết tên tuổi. Không phải đóng tiền, chỉ cầu-nguyện, rồi viết tên mà thôi. Chị Hoa-Hồng sẽ in tên các em vào bổn-báo.

Ai có thể vào Hoa-Tâm-Hội?

Người nhỏ, đã tin Chúa, và dưới mười sáu tuổi. Quá mười sáu tuổi, không được.

Chị Hoa-Hồng lập ra Hội nầy là vì Chị biết các em thích có một món quà riêng.

Nhờ Chúa giúp-đỡ, mỗi tháng Chị sẽ cho các em một vài ý cắt nghĩa rõ-ràng về các thứ hoa trong vườn.

MỜI CÁC EM CHƠI

Khắp cả thế-gian, trẻ con ở đâu cũng thích chơi, và hay thích trò chơi mới lạ. Vậy, nhờ Chúa, mỗi tháng Hoa-Tâm-Hội sẽ hiến các em một trò chơi.

Tháng nầy Chị bày cho các em một trò chơi, rất buồn cười:

«Người đi đầu.»

Chúng tôi đặt tên trò chơi nầy là «Người đi đầu.» Bắt đầu phải cử một người con trai hay một người con gái để đi đầu. Các em muốn chơi, sắp hàng mà đi theo người đó. Người đi đầu phải làm nhiều trò lạ cho người ta cười. Các em theo sau phải bắt chước người đó, nhưng không được cười. Nếu em nào cười, sẽ phải đuổi ra khỏi hàng. Nếu em nào không bắt chước được đúng, hay là buồn cười, thì không được theo người đi đầu nữa.

Người đi đầu vỗ tay, nhảy sang bên hữu, nhảy sang bên tả, ngồi xuống đất, đứng lên, chạy một ít, đứng lại, quay tròn mình, nhảy một chơn, vuốt tóc, rờ má, bắt tay người đứng sau, và làm thêm các trò khác nữa để cho các em tức cười. Người đi đầu làm gì, các em phải làm theo hết thảy. Hễ bao giờ em nào cũng phải cười cả, thì bấy giờ mới tan trò.

Mời các em chơi!—*Chị Hoa-Hồng.*

CHÚC MỪNG THÁNH-KINH BÁO

I

Xuân về, tin báo mấy bông đào,
Bỗng tiếp phong thơ bạn gởi vào,
Rằng: Báo Thánh-Kinh lần thứ nhứt
Hôm nay xuất-bản sắp truyền-rao.

II

Truyền-rao lời Chúa khắp hương-thôn,
Ma-quỉ nghe tin sợ mất hồn!
Tấc lưỡi không mau bằng ngọn bút,
Truyền-rao lời Chúa khắp hương-thôn.

III

Hương-thôn cho đến chốn châu-thành,
Mắt thấy tai nghe nghĩa Thánh-kinh
Nếu muốn ghi vào tâm-tánh-giới,
Phải mời chủ-bút Đức Thần-Linh

IV

Tinh-tường lời Chúa ngọt hơn đường,
Bén tợ thanh gươm, quí tợ vàng,
Sáu chục sáu pho hình có huyết,
Lưu-thông từng chữ, điểm từng hàng.

V

Từng hàng châu-điểm huyết Con Trời,
Chứng-cớ thông truyền khắp mọi nơi.
Ai có đức-tin thì được cứu,
Linh-hồn vui hưởng phước đời đời.

VI

Đời đời kính-chúc khách thiêng-liêng,
Mua báo mà coi, chớ tiếc tiền:
Tiền hết, cỏ khô, hoa cũng rụng,
Ngàn thu lời Chúa hãy còn nguyên.

—PHAN-ĐÌNH-LIỆU

GIẢI NGHĨA THƠ CÔ-RINH-TÔ THỨ NHỨT

J. Drange Olsen

LỜI MỞ ĐƯỜNG

TRƯỚC khi ta khởi nghiên-cứu thơ Cô-rinh-tô thứ nhứt, cần phải biết qua mấy đều quan-hệ để mở đường cho sự kê-cứu, và giúp ý ta dễ hiểu các đều dạy-dỗ thâm-nhiệm bày-tỏ trong thơ. Các đều ấy là : (1) Cảnh-tình của thành Cô-rinh-tô ; (2) Công-việc của Phao-lô tại thành Cô-rinh-tô ; (3) Địa-vị của Hội-Thánh Cô-rinh-tô; (4) Niên-hiệu chép thơ Cô-rinh-tô 1 ; (5) Cái nội-dung của thơ ; và (6) Sự quan-hệ của thơ. Nay ta cứ tuần-tự theo sáu đều ấy mà xét qua như sau nầy :

1.— Cảnh-tình thành Cô-rinh-tô

Miền đất phía nam của nước *Grée* là một cái bán-đảo, xưa kia tên gọi là *Péloponèse*, liên-tiếp với đại-lục nhờ ở nơi dải đất eo-hẹp. Trên eo-đất ấy nổi lên một hòn núi dốc ngược, cao chừng 700 thước, đến chót đỉnh, mặt đất lại bằng, rộng-rãi lắm. Chính thành Cô-rinh-tô được lập tại trên quả núi nầy. Cứ đứng trên đảnh mà dòm về hướng đông, thì thấy có biển *Egée*, hướng tây có biển *Ionienne*, phía bắc bên nầy sừng-sựng dãy núi *Attiques*, bên kia lại là địa-phận đông-bắc của nước Grée. Thừa khi trời quang mây tạnh, ta đứng tại đây có thể nhìn-thấy được thành *Athènes*, ở về hướng bắc cách xa chừng 75 cây số vậy.

Đời Ha-Mã (Homère, thi-nhơn nước Grée ở vào năm 850 T.C.) Cô-rinh-tô đã là một thành-thị quan-hệ lắm rồi : về phương-diện binh-quân, nó là nơi yếu-địa để bảo-thủ cái bán-đảo Péloponèse ; về phương-diện thương-giới, đó là cái thị-trường, hò-hẹn cho Âu Á lưỡng châu hội-hiệp. Nào người Âu kẻ Á, góp mặt luôn cả người Phi, người Y, dân A-rập, Giu-đa, ai nấy đều xò nhau tới đó, vận hàng đến bán, buôn hàng đem đi, kinh-dinh thương-nghiệp. Thành Cô-rinh-tô nghiễm-nhiên trở nên một chốn đô-hội trọng-đại của cả nước Grée ngày xưa, chẳng những chiếm cái đặc-sắc quyền-thế và phồn-hoa thạnh-vượng, lại là nơi kén mặt anh-tài trong nền văn-chương, mỹ-thuật, và triết-học về đời thượng-cổ nữa. Chẳng may năm 146 T.C., thành bị tướng Rô-ma là *Mummius* đến tàn-phá, làm cho dân-cư đều tản-lạc hết. Qua tới đời *Jules-César*, thành ấy bèn được lập lại, chiếm phần đặc-sắc như xưa.— Thành Cô-rinh-tô cổ-đại cũng còn một cớ nổi danh, vì là thường năm dân Grée và Rô-ma đổ nhau đến đó dự các đám chơi, biệt-danh là Cuộc chơi eo-đất (Jeux Isthmiques).

Vả, đã hay lắm thì cũng là dở lắm, thế-thường bĩ sắc tư phong. Cô-rinh-tô nầy vốn cũng đầy-dẫy sự hung-ác, buông-tuồng hơn các thành khác trong đời thượng-cổ. Có nhà chép sử thuật rằng : «Phàm việc gì gian-ác, tội-lỗi, hư-hoại, bất-cứ chi chi, dân-cư nó đều dám đang tay làm cả, tánh-nết đạo-đức của họ đều phải tuyệt-mất. Ngộ ai còn có điểm lương-tâm, khuynh-xu về đời thiêng-liêng thánh-khiết, lại bị chúng

khinh-tệ, cầm bằng kẻ khờ-dại điên-cuồng mà thôi.

Đó là tình-cảnh của Cô-rinh-tô lúc Phao-lô, đầy-tớ trung-thành của Chúa, đến viếng lần đầu, vào lối năm 51 hay là 52 S.C. Bấy giờ có *Gallion*, anh của nhà triết-học *Sénèque*, làm quan trấn-thủ tại xứ A-chai (Sứ-đồ 18: 14-16). Khi dân Giu-đa cáo-gian cho Phao-lô, thì người chẳng thèm nghe những lời giả-dối phi-lý của chúng, trái lại đuổi họ lui về hết. Thật là một người giàu lòng thanh-liêm chánh-trực vậy.

2.— Công-việc của Phao-lô tại Cô-rinh-tô

Đành rằng thành Cô-rinh-tô là cái trung-tâm-điểm của toàn nước Gréc, mà cũng là cho cả thế-giới thượng-cổ nữa. Vì nó là cái thị-trường của thương-giới, và là nơi gồm cả học-thức của các nước ở về khu-vực Địa-trung-hải và các xứ tiếp-cận, số dân-cư của nó kể đã đông-đảo, thêm ở ngoài còn dân tứ xứ góp vào, thật là một nơi đại-đô-hội. Họ đến đó hoặc buôn-bán, hoặc học-hành giảng-cứu, hay là để dự cuộc chơi thường-niên, hò-hẹn biết bao tao-nhơn mặc-khách, thâu-thập chán vạn những lý-tưởng triết-học văn-chương. Phao-lô nhìn-thấy sự quan-trọng như vậy, bèn nhứt-định đến nơi đặng truyền-bá đạo Tin-Lành hay cứu-rỗi cho dân bổn-xứ, và cho các người ngoại-quốc kiều-ngụ tại đó.

Thế thì, hồi hành-trình truyền-đạo lần thứ hai thì Phao-lô đến thành *Athènes*, lưu-ngụ tại đó một lúc rồi đi bộ qua thành Cô-rinh-tô, có Si-la và Ti-mô-thê ở Ma-xê-đoan cùng đi theo (Sứ-đồ 18: 1-5). Trước khi định đi đến, tự nơi ấy ông chẳng quen-biết ai, và cũng chưa biết lấy gì làm ăn độ nhựt đặng dung thân giảng đạo. Dầu vậy, ông cứ đi. May thay, vừa đến nơi, ông khởi quen với hai người tín-đồ Giu-đa tử-tế là A-qui-la và vợ người là Bê-rít-sin. Ông về ở đậu nhà họ, cùng theo làm nghề may nhà-trại mà dung thân ngày tháng. Đến ngày Sa-bát ông «giảng-luận trong nhà-hội, khuyên-dỗ người Giu-đa và người Gréc.» Về công-việc nầy sách Công-vụ các Sứ-đồ có chép thêm rằng:

«Nhưng vì chúng chống-cự và khinh-dể người, nên người giũ áo mình mà nói rằng: Ước gì huyết các ngươi đổ lại trên đầu các ngươi! Còn ta thì tinh-sạch; từ đây ta sẽ đi đến cùng người ngoại. Phao-lô ra khỏi đó vào nhà một người tên là Ti-ti-u Giút-tu, là kẻ kính-sợ Đức Chúa Trời, nhà người giáp với nhà-hội. Bấy giờ Cơ-rít-bu, chủ nhà-hội, với cả nhà mình đều tin Chúa; lại có nhiều người Cô-rinh-tô thường nghe Phao-lô giảng, cũng tin và chịu phép báp-têm. Ban đêm Chúa phán cùng Phao-lô trong sự hiện-thấy rằng: Đừng sợ chi; song hãy nói và chớ làm thinh. Ta ở cùng ngươi, chẳng ai tra tay trên ngươi để làm hại đâu; vì ta có nhiều người trong thành nầy. Phao-lô ở tại đó một năm sáu tháng, dạy đạo Đức Chúa Trời trong đám họ» (Sứ-đồ 18: 6-11).

Sự giảng-dạy của Phao-lô tại thành Cô-rinh-tô có lắm đều may-mắn, càng ngày càng một tấn, kết-quả rất mĩ-mãn thay. Dân Giu-đa trong thành thấy rõ tình-thế, đem thói ghen-ghét, quyết bắt ông giải đến trước tòa trấn-thủ *Gallion* đặng xét-xử. Quan trấn-thủ nghe qua, hiểu thấu mưu gian của họ, không thèm xử thì chớ, lại còn nổi giận đuổi quách họ ra khỏi tòa, làm cho họ phải bị hổ-thẹn vô-cùng.

Việc ấy qua, Phao-lô còn ở tại thành Cô-rinh-tô ít lâu; nhưng tin chắc rằng Chúa bảo mình phải sang đến nơi khác truyền-bá đạo Tin-Lành, nên từ-giã mà cùng A-qui-la và Bê-rít-sin xuống cửa biển Xen-cơ-rơ, rồi trẩy sang thành Ê-phê-sô xứ Tiểu-a-si. Cùng nhau đình-trú tại đó ít lâu, đoạn ông tẻ hai bạn mình mà đến thành Giê-ru-sa-lem, rồi sau lại xuống thành An-ti-ốt, lần lần để bước khắp trong xứ Ga-la-ti và Phi-ri-gi, trở lại thành Ê-phê-sô lần

thứ hai, và ở đó trong hai năm trời. Ấy trong lúc ở hai năm đây mà Phao-lô viết bức thơ Cô-rinh-tô nầy vậy (Hãy xem Sứ-đồ 18 : 18 và 19 : 1).

3.—Địa-vị Hội-Thánh tại Cô-rinh-tô

Sau khi Phao-lô ở thành Ê-phê-sô đi rồi, có một người tín-đồ quê ở *Alexandrie*, tên là A-bô-lô, giỏi tài hùng-biện, đến nhờ A-qui-la và Bê-rít-sin giải nghĩa cho mình nghe rõ hơn về đạo Đấng Christ. Đoạn, người ấy đến ở thành Cô-rinh-tô, kế-nghiệp cho Phao-lô mà giảng đạo Tin-lành, «hết sức bẻ-bác người Giu-đa giữa thiên-hạ, lấy Kinh-thánh mà bày-tỏ rằng Đức Chúa Jêsus là Đấng Christ» (Sứ-đồ 18 : 24-25). Đương khi Phao-lô vắng mặt tại đây, cũng có lắm giáo-sư Giu-đa đến dụ-dỗ tín-đồ Cô-rinh-tô phải qui-phục đạo Giu-đa thì mới được cứu-rỗi trọn-vẹn. Họ tự xưng mình có đủ quyền-phép, vì là môn-đệ của Phi-e-rơ, Gia-cơ, v. v., thường kiếm thế phá-hủy quyền-thế của Phao-lô trong Hội-Thánh Cô-rinh-tô. Bởi các cớ ấy, trong Hội-Thánh Cô-rinh-tô bèn nẩy sanh phe nầy đảng nọ, óng-óng tranh-luận cãi-lẫy lẫn nhau (I Cô-r. 1 : 11, 12). Phe nầy xưng mình về Phao-lô (I Côr. 1: 13); phe kia chưng mình là của A-bô-lô ; đảng khác quả-quyết mình theo lý-thuyết của Phi-e-rơ, còn đến bọn khác lại bạo gan xưng mình là của Đấng Christ.

Thiết-tưởng phe xưng mình là «của Phao-lô,» phần nhiều chắc là tín-đồ của dân ngoại-bang mà ra, cư-xử tự-do đối với mọi sự thuộc về lễ-phép của đạo Môi-se. Phe A-bô-lô có lẽ là những tín-đồ khuynh-hướng về sự khôn-ngoan của thế-gian, thành ra ưng nghe lời giảng của A-bô-lô hơn là của Phao-lô ; vì họ thường trách Phao-lô sao «chẳng dùng lời cao-xa hay là khôn-sáng,» chẳng giảng bằng «bài diễn-thuyết khéo-léo của sự khôn-ngoan» như người khác. Về đảng Sê-pha (Phi-e-rơ) chắc là những tín-đồ ở trong Hội-Thánh Cô-rinh-tô do dân Giu-đa và những giáo-sư giả của họ. Chúng cố ý bắt-phục tín-đồ Đấng Christ phải trở lại đường cũ, mà tuân-thủ các lễ-nghi của đạo Môi-se. Phe nầy bất-luận ở đâu cũng hằng rắp-ranh thế nọ thế kia gây hại cho Phao-lô và phá-hủy công-việc của ông. Còn chót là phe Đấng Christ thì khó quyết-đoán từ đâu mà ra. Duy một đều nầy là rõ : họ nặng tội hơn các phe khác, vì bạo gan tự xưng mình thuộc về phe Đấng Christ, nhân đó lại dạy rằng Đấng Christ làm đầu của phe mình, mà phải phân-rẽ thân-thể của Ngài ra !

Vả, Hội-Thánh Cô-rinh-tô chẳng những bị cái ác-tật phe-đảng, lại còn bị nhiều bịnh thiêng-liêng khác, như trong họ có lộn những kẻ gian-tà, buông mình theo các lối dâm-dục của thế-gian, đến nỗi phạm tội loạn-luân là thường-sự. Bậc huynh-trưởng trong Hội-Thánh lại chểnh-mảng phận-sự, không sớm lo sửa-trị nỗi tệ ấy ; vì nhiều kẻ tín-đồ tin chắc rằng sự làm phỉ tình dâm-dục chẳng lạ gì hơn sự ăn-uống để cho đã đói đã khát vậy (I Cô-rinh-tô 6 : 12).

Còn có phe khác hay tự khoe về sự tự-do cử-chỉ của mình, thường ăn-uống của cúng tà-thần, không đếm-xỉa đến ý-kiến của kẻ phản-đối với thói-tục ấy ; thậm-chí họ cả gan dự tiệc cúng tại trong chùa-miễu mà không chút e-lệ gì. Bởi sao vậy ? Vì họ quả-quyết rằng trong đạo Tin-Lành không còn phân-biệt con thú khiết và bất-khiết, nên tự nơi mình muốn ăn thịt con nào cũng đều được cả. Còn các thần-tượng trong chùa-miễu vốn là hư-không, dầu mình có đi dự tiệc tại chốn ấy cũng không quan-hệ gì. Cái sở-kiến của họ như vậy, trách nào không nên gương xấu cho lắm tín-đồ khác phải bị sa-ngã.

Đương khi nhóm chung nhau, ta thấy sự phân bè và sự chểnh-mảng của Hội-thánh Cô-rinh-tô cho rõ hơn nữa. Họ bỏ các lời răn-bảo của các Sứ-đồ về lễ Tiệc-thánh, khinh thường cái thói-quen giữ lễ Tiệc-thánh của các Hội-thánh khác, tự-tiện giữ theo cách riêng

mình, xem ra thật lôi-thôi lắm, chẳng khác nào một bữa ăn thường. Lại cũng phân giai-cấp nhau nữa, kẻ giàu ăn sung-sướng dọn riêng ra ; kẻ nghèo ăn cực-khổ khúm chòm khúm nơi, bị kẻ giàu khinh-dể ; còn kẻ mạt sản thì chỉ một bề chịu đói mà thôi. Đã vậy, họ còn cho phép các nữ-lưu đến dự lễ nhóm lại không cần phải trùm kín mặt, đó lại là một đều trái hẳn với lệ chung của các Hội-thánh. Ngộ khi họ dùng đến các ân-tứ của Chúa đã ban cho đặng nói tiên-tri hay là nói tiếng lạ, thì họ phô-bày các ân-tứ ấy ra cốt để kiếm sự ngợi-khen, không lo đến sự gây-dựng đời thiêng-liêng của tín-đồ chút nào. Càng thậm-tệ hơn nữa, là có lắm kẻ trong bọn họ chối hẳn cái lẽ đạo về sự sống lại của kẻ chết, thành ra phá-hủy cái nền-tảng của đạo Tin-Lành và sự cứu-rỗi ở trong đạo ấy vậy.

Tình-cảnh và địa-vị của Hội-Thánh Cô-rinh-tô thật y như trong thơ Cô-rinh-tô thứ nhứt đã giãi-bày, mà sự giãi-bày nầy lại do chính nơi tay người sáng-lập Hội-thánh ấy viết ra, càng thêm đích-xác hơn nữa. Đó là phần trái, còn về phần phải thì ta phải đinh-ninh rằng chính ở Hội-thánh nầy cũng có lắm người tín-đồ làm gương tốt về đức-tin và đạo-đức, không hề khi nào dự vào phần hư-hoại và lầm-lỗi bao giờ. Cho nên, Phao-lô bèn gọi họ là «người được nên thánh trong Đức Chúa Jêsus-Christ,» và cảm-tạ ơn Ngài vì các ân-điển mà Ngài đã ban cho họ, lại dám tin quyết rằng Đức Chúa Trời sẽ gìn-giữ họ cho khỏi bị quở-trách trong ngày tái-lâm của Đức Chúa Jêsus-Christ vậy.

4.—Niên-hiệu chép thơ Cô-rinh-tô thứ nhứt

Chúng ta cứ cái dung-tích của thơ mà đoán biết Phao-lô chép nó vào hồi nào. Chắc là vào khi Phao-lô ở trọn hai năm trường tại thành Ê-phê-sô. Vì ta thấy nói trong thơ rằng ông sẽ ở luôn tại Ê-phê-sô cho đến lễ Ngũ-tuần, rồi thì đi qua xứ Ma-xê-đoan ; đoạn từ đó sẽ xuống thành Cô-rinh-tô mà thăm-viếng họ. (Hãy xem I Cô-rinh-tô 16 : 5-8). Ta thử đem đoạn 18, câu 5-8 và câu 19 mà sánh với Sứ-đồ 19 : 21, và 20 : 1-2, thì thấy công-việc đều phù-hiệp nhau cả ; nghĩa là sau khi cuộc rối-loạn của Đê-mê-triu tại Ê-phê-sô đã êm, ông bèn sang qua xứ Ma-xê-đoan và Grèc (tức là thành Cô-rinh-tô), rồi trẩy qua thành Giê-ru-sa-lem, trong tay hiện cầm món tiền lạc-quyên của các Hội-Thánh A-chai cho tín-đồ nghèo ở tại thành ấy. Bằng-chứng ở trong thơ Rô-ma, là thơ ông ngồi viết tại thành Cô-rinh-tô, có nói rằng : «Nầy tôi qua thành Giê-ru-sa-lem đặng giúp việc các thánh-đồ. Vì người xứ Ma-xê-đoan và xứ A-chai vui lòng để giúp những thánh-đồ ở thành Giê-ru-sa-lem đang nghèo-túng» (Rô-ma 16 : 25, 26). Các đều ấy dường như chứng rằng Phao-lô đã chép thơ Cô-rinh-tô thứ nhứt vào lối năm 57 S.C., cách khi ông đến thành Cô-rinh-tô lần đầu chừng năm năm vậy.

5.— Các dung-tích của thơ

Trong thơ Cô-rinh-tô thứ nhứt, ta thấy các dung-tích nó thật là bề-bộn lắm ; vì trước-giả chẳng những phải sửa-trị các nỗi lạm-dụng của Hội-thánh, mà còn phải đáp-giải nhiều đề mà tín-đồ Cô-rinh-tô gởi thơ đến cật-vấn ông.— Trong lời tiểu-dẫn ngắn-ngủi của thơ, ông có nói rõ tuy Hội-thánh ấy có nhiều đều sai-lầm trong cách hành-vi cử-chỉ, mà kỳ-trung họ được đứng vững trên nền của đạo Tin-lành là Đức Chúa Jêsus-Christ (1 : 1-9).— Đoạn, ông quay ra nghiêm-trách tín-đồ về tội sanh-sứa phe-đảng trong Hội-thánh, chỉ-minh rằng phe-đảng gây ra cốt bởi lòng kiêu-ngạo của giáo-sư họ. Phàm ai là đầy-tớ của Chúa thì phải là món khí-cụ yếu-mền ở trong tay Ngài, ngõ tùy nơi thánh-ý Ngài mà trồng tưới vườn Ngài vậy. Mọi người phải cẩn-thận về cách mình hầu việc Đức Chúa

Trời, vì đến ngày cuối-cùng công-việc mình phải trải qua ngọn lửa thí-nghiệm của Ngài chẳng sai (1 : 11, 4 : 21).— Tội loạn-luân là khả-ố, ông buộc Hội-thánh phải dứt phép thông-công kẻ nào phạm đến ; còn như phạm phép công-bình mà kiện-cáo anh em mình tại nơi tòa-ngoại, ông càng nghiêm-trách không tha (6 : 1-6 ; 6 :).— Kế ông lo giải rõ về các thứ tự-do mà mở đường phóng-thích cho tư-dục xác-thịt, tức là tự-do giả-dối ; tín-đồ trót đã nhờ giá cao lắm mà chuộc lại được, nên phải lo tránh sự tự-do ấy đi, lấy thân-thể mình mà làm sáng danh Đức Chúa Trời luôn (6 : 10-20).— Ông luận qua sự gả-cưới và để-bỏ (7 :), và dạy về cách lạm-dụng sự tự-do của tín-đồ là quan-hệ dường nào. Rồi thì giải đến việc ăn của cúng, cho là rất nguy-hiểm (8 : - 10 :). — Đoạn, ông trách-sửa sự nhóm-hiệp của Hội-thánh, biểu phải đổi lại các đều trật-tự đã làm mất đi.— Ông cũng luận luôn qua các ân-tứ của Đức Thánh-Linh một cách rất hay và thâm-thúy (11 : - 14 :).— Và, trong Hội-thánh Cô-rinh-tô có phe không chịu công-nhận sự sống lại của xác-thịt, ông bèn công-kích cái ý-kiến lầm-lạc ấy, quyết rằng nếu Đấng Christ sống lại, cố-nhiên ta đây cũng được sống lại. Bằng chẳng vậy, tự-nhiên không có đạo Tin-Lành, mà chính cái đức-tin của mình cũng vô-hiệu (15 :).— Sau rốt, ông dạy về sự quyên tiền của tín-đồ nghèo tại Giê-ru-sa-lem, rồi kết-luận bằng lời chào-thăm (16 :).

Đó là lược phân các dung-tích của thơ quí-báu nầy. Nhờ ơn Chúa giúp-đỡ cho, chúng ta sẽ lần lần kê-cứu theo từng đề cho được tường-tất hơn vậy.

6.—Sự quan-hệ của thơ Cô-rinh-tô thứ nhứt

Ta thử đem hai thơ Rô-ma và Ga-la-ti mà so-sánh với thơ Cô-rinh-tô thứ nhứt, thì thấy mỗi cái có một mục-đích riêng. Thơ Rô-ma chú-trọng về lẽ đạo quan-hệ hơn hết của giáo Đấng Christ ; thơ Ga-la-ti chuyên bài-luận về tà-giáo đã xen lẫn trong Hội-thánh ; còn thơ Cô-rinh-tô thứ nhứt chép ra cốt ý sửa-trị và cải-lương những đều lầm-lộn đã nẩy mầm trong Hội ấy. Cho nên, vì chánh-ý mà thơ Cô-rinh-tô thứ nhứt thật là quan-hệ với công-việc tổ-chức và cai-trị Hội-thánh vậy.

Biết tuy thơ thì viết cho tín-đồ Cô-rinh-tô về thời thượng-cổ, để khuyên-dạy họ mọi sự cần biết về cuộc sửa-trị và quản-trương Hội-thánh mình ; song chớ lầm-tưởng chỉ riêng quan-hệ cho họ mà không ăn-nhập chi đến ta. Ta ngày nay học-hỏi việc của người đời trước, tức là dạy-dỗ ta sau nầy. Các đề-luận của Phao-lô giải-lý, những tội-lỗi ông quở-trách, toàn là những đề chung, những tội-lỗi phổ-thông, Hội-thánh ở vò-luận là dân-tộc nào, thời-kỳ nào, cũng đều có hết. Nhứt là Hội-thánh ở Đông-Pháp ta cũng đã có sự khuyết-điểm của Hội-Thánh Cô-rinh-tô ít nhiều rồi, các vấn-đề tín-đồ Annam hỏi học vẫn mường-tượng với của tín-đồ Cô-rinh-tô, vì trong bao nhiêu Hội-thánh ở Đông-Pháp đã có xảy ra ít nhiều đều quấy-lỗi như ở Cô-rinh-tô ngày trước. Thật thì sự khảo-học thơ Cô-rinh-tô thứ nhứt đành là phải buổi, nhứt là mấy vấn-đề khó hiểu về cuộc cai-trị Hội-thánh, thì càng nên xét xem đến thơ nầy thì sẽ biết rõ.

Mà, dầu chánh tay Phao-lô đã chép ra thơ nầy, song tài-liệu thật chẳng phải do tài tay ông, bèn là nhờ ở nơi Đức Thánh-Linh. Ngài mặc-khải cho viết, từ nơi ông chẳng có một ý-tứ riêng gì ; vậy ta dầu có khảo-học thơ, thì phải mong nhờ Đức Thánh-Linh phù-giúp cho, mở tâm-trí ta cho sáng-láng, trao tinh-thần ta cho được minh-đạt. Nhứt là phải sẵn lòng tiếp-rước Ngài vào lòng, thế mới mong có kết-quả ích-lợi trong sự khảo-học, và nhờ lẽ-thật bày-tỏ trong thơ mà giúp ta tấn-bộ trên con đường chánh-đáng và công-bình của Đức Chúa Jêsus-Christ vậy.

Cách bố-cuộc của thơ Cô-rinh-tô thứ nhứt

Tuy trước ta đã lược kể cái dung-tích của thơ là thể nào, nầy tưởng cũng hữu-ích và giản-tiện mà chia nó làm mấy phần. Ta cứ theo đề-mục giảng-luận trong thơ mà chia cách bố-cuộc ra như sau nầy :

I.— Tiểu-dẫn 1 : 1-9.

II.— Các phe-đảng trong Hội-thánh 1 : 10—4 : 21.

III.— Cách sửa-trị trong Hội-thánh 5 : 1—6 : 20.

IV.— Sự cưới-gả và để-bỏ 7 : 1-40.

V.— Sự ăn của cúng thần-tượng 8 : 1—11 : 1.

VI.— Cuộc thờ-phượng trong Hội-thánh 11 : 2-34.

VII.— Các ân-tứ thiêng-liêng 12 : 1—14 : 40.

VIII.— Sự sống lại của xác-thịt 15 : 1-58.

IX.— Sự lạc-quyên giúp tín-đồ nghèo tại thành Giê-ru-sa-lem 16 : 1-9.

X.— Lời dặn-dò và chào-thăm 16 : 10-24.

(Còn tiếp)

LỊCH-SỬ ÔNG LIVINGSTONE

Nguyên-văn tiếng Anh của cử-nhơn Basil Mathews

◇ ◇ ◇

CHƯƠNG THỨ NHỨT

Cậu bé trong xưởng dệt

Ở XÓM mỗ tỉnh Tô-cách-lan (Ecosse), có một nhà kia, dòng nước uốn quanh, tiếng kêu róc-rách. Một buổi tối mùa đông, cháu trai, cháu gái xúm quanh bên giường người ông, xin ông kể chuyện đánh nhau thuở trước. Bấy giờ cha đang đọc sách, mẹ đang dệt cửi, cũng nài ông kể chuyện cho các cháu nghe....

Trong sử-ký Hội-thánh có nhiều chuyện giục lòng tín-đồ sốt-sắng về đạo. Nhưng, có lẽ không chuyện nào cảm-động bằng lịch-sử những bậc danh-nhơn đi ngoại-quốc truyền đạo, như François Coillard, David Livingstone, John Paton, v.v. Vậy, nay bổn-báo hãy thuật lịch-sử ông Livingstone, là một người cầm cờ tiên-phong, mạo-hiểm vào nơi trung-tâm châu Phi mà truyền đạo cho người da đen khiến được cứu-rỗi. Trong cuộc hành-trình, lắm nỗi gian-nan nguy-hiểm, thế mà ông vẫn hết sức phấn-đấu, kỳ làm cho trọn chức-vụ mà hái kết-quả. Đọc đến, ai cũng cảm-động và nức lòng.

Người ông bèn nói : «Ngày xưa, cụ nhà giúp vua *Charles* đánh nhau với vua *George* ở vùng *Culloden*. Một buổi sáng kia, quân vua *George* thình-lình xông đến ; vua *Charles* thua, cụ nhà chết trận.» Người mẹ nói tiếp rằng : «Khi đó, ông tôi giúp vua *George*, bấy giờ khác nào hai đảng, nay thì dung-hòa với nhau, không có hiềm-khích gì nữa. Ông tôi thuở trẻ, tánh thích tự-do, kính-thờ Đức Chúa Trời. Nhưng tín-đồ khi đó chịu nhiều nỗi đè-nén bắt-bớ, bị đuổi ra nơi hẻo-lánh hoang-vu, hoặc bị cấm-cố, hoặc bị giết chết, thảm-hại biết dường nào! Một hôm, mọi người xông-pha mưa gió tuyết sương, nhóm lại ở bãi rộng để thờ Chúa ; giây lát, quân kỵ đuổi bắt kéo đến đông nghịt, nhiều người bị bắt bị giết lắm ! Song, đến nay không có cái nạn bắt-bớ đạo nữa.» Đến đấy, người cha cũng nói : «Tôi có hai anh em tòng-chinh ở Tây-ban-nha, có dự cuộc chiến-tranh ở *Waterloo.*» Khi nói, lấy tay chỉ *Đa-vít Livingstone* mà rằng : «Đa-vít ! Hồi đánh nhau ở *Waterloo*, mầy mới lên một. Tổ-tiên nhà ta, vài trăm năm trước, ở đảo *Hebrides* phía tây tỉnh

Tô-cách-lan ; đời làm nghề nông.»

Livingstone sanh năm 1813, có hai anh em và hai chị em. Cha làm nghề buôn chè, sung chức giáo-sư trong trường học ngày Chúa-nhựt. Mỗi buổi chiều, học không dứt tiếng. Tối đến, đóng cửa, trước hết nhóm các con lại, khiến vào trong nhà. Một hôm, Đa-vít chậm về, cửa đóng, không vào được, không dám gõ cửa nữa, cũng không kêu khóc ; bèn xin bánh người hàng xóm để ăn cho khỏi đói, rồi lẳng-lặng dựa vào cái thềm mà nằm. Sau, mẹ trông thấy, đón vào.

Nhà nghèo, Đa-vít lên mười tuổi, đã phải đi làm thuê trong xưởng dệt : coi quanh máy dệt, nối những sợi đứt. Mỗi sáng, sáu giờ đi làm, tám giờ tối nghỉ việc. Bộ máy trong lòng Đa-vít cũng quay-cuồng tất-tả như cái máy dệt. Trong giờ làm việc, lại đặt sách bên máy để học. Dẫu đi lại trông-coi sợi đứt ; song tay đưa, mắt liếc, miệng đọc không ngừng. Tiền lương được trong tuần-lễ thứ nhứt, trừ tiền mua sách học chữ La-tinh ra rồi, còn bao đem về đưa cả cho mẹ. Hằng ngày, sau khi hết giờ làm việc, lại đi học tối. Khi về nhà, chăm-chỉ sách đèn, chẳng trễ-nải. Mẹ hằng phải tắt đèn giục-giã, mới chịu đi ngủ. Gặp ngày nghỉ, anh em dắt nhau trèo núi, lội nước, nhặt cỏ phượng-vĩ, hoặc bắt ốc, sâu-bọ và bươm-bướm để chơi. Một hôm, câu ở sông, được con cá, sợ trái lệ cấm, bèn giấu vào trong quần của em, giả làm bộ thũng chơn mà về.

Năm Đa-vít 18 tuổi, chủ xưởng cho ông lên chức ; công-việc dẫu làm khó hơn, song tiền lương thì tăng lên nhiều.

CHƯƠNG THỨ HAI

Ngàn xóm bốc khói

ĐA-vít dẫu làm việc trong xưởng thợ, song hằng nghĩ đi thám đất ở nước ngoài : như các xứ châu Âu, Ba-tư, Ấn-độ, Diến-điện, và Trung-hoa, vân vân, ông đều muốn đi qua bờ-cõi cả. Thấy *Gutzlaff*, y-khoa bác-sĩ, đi sang nước Tàu, ăn-mặc khách, phân-phát sách-vở, truyền đạo Tin-lành, Đa-vít cũng muốn nối gót ông ấy mà sang Tàu, bèn nói : «*Gutzlaff* theo gương Đức Chúa Jêsus đem thân Con một của Đức Chúa Trời xuống đời làm người, mà làm thầy thuốc truyền đạo ; vậy ta cũng nên bắt chước ông *Gutzlaff* mà làm thầy thuốc truyền đạo.» Đó là cái mầm sự-nghiệp của một đời ông *Livingstone* vậy. Song, *Livingstone* chỉ là một người trẻ tuổi làm trong xưởng thợ, kiếm được bao tiền mà mong làm thỏa cái chí mình được ? Ví bằng theo nghề làm thuốc, chẳng những tốn-kém, mà lại chậm-trễ thì-giờ. Ông bèn bàn với cha mẹ và mục-sư ở xứ mình, ai nấy đều khen cái chí ấy. Một hôm, nói với cha mẹ rằng : «Mùa hè năm nay, con còn muốn làm việc ở xưởng thợ, để dành tiền lương ít nhiều ; đến mùa đông, sẽ vào học trong trường ở thành *Glasgow*.» Kịp đến mùa đông, có tuyết lớn, Đa-vít cùng cha ra đi, đi bộ đến thành *Glasgow*, nằm ở nhà trọ hạng người dân nghèo. Hôm sau, Đa-vít bèn đem món tiền để dành đưa trả học-phí. Khi cha đã về, Đa-vít cũng hơi buồn-tẻ, hằng lấy sự hăng-hái trèo núi để khuyên-gắng mình. Sau ông gởi thơ cho Công-hội ở Luân-đôn, xin làm chức đi thám đất nước ngoài. Đã nhận được thơ trả lời, ông bèn đến Luân-đôn, ra mắt người Hội-trưởng (1838).

Đã đến Luân-đôn, ông đi thăm những mộ danh-nhơn chôn trong nhà-thờ chánh *Westminster*, sửng-sốt đầy lòng kính-mến ; song không biết trước rằng sau cuộc trăm năm, ông cũng dự phần vinh-hiển ấy. Hội Luân-đôn đã khen lời bàn của ông, nhưng buộc ông phải vào nhà trường *Ongar*, tập-rèn học-hành trước đã.

Bấy giờ Đa-vít có một chuyện đủ chứng là bậc mạnh-dạn tài-giỏi hơn người : Một buổi chiều kia, sương-mù man-mác, chiều trời mờ-mờ, Đa-vít ra

đi, định đến Luân-đòn thăm người bà-con. Tối đến, mù nặng, xẩy chơn ngã xuống rãnh. Đã đến Luân-đòn, nghỉ một chút, rồi trở về. Giữa đường gặp người đờn-bà té nhào, bất-tỉnh nhơn-sự, Đa-vít bèn vực người ấy vào nhà trong xóm, tìm cách cứu-chữa, rồi đi. Lại đi vài cây số nữa, lạc đường, kiệt sức, không dám nằm đất, bèn bíu cái bảng chỉ đường mà trèo lên, nhờ ánh sao sáng mà nhận đường-lối. Gần nửa đêm, mới về tới nhà. Một ngày đêm đi 60 cây số. Bạn đồng-học ông nói chuyện với người ta rằng: « Nước, lửa, tường đá đều không đủ ngăn-trở bước đi của *Livingstone.*» Lời đó đúng lắm!

Sắm-sửa đủ đồ hành-trang, muốn đi sang Tàu, song thấy bên Tàu bấy giờ có cuộc chiến-tranh, nên không đi nữa.

Khi đó, có giáo-sĩ *Moffatt*, cao-lớn rậm râu, mới về từ châu Phi; ông ấy là người truyền-giáo đi thăm châu Phi trước nhứt. Bấy giờ, bề trong châu Phi rất là kín-nhiệm, những bản địa-đồ đã vẽ, trừ đường đi xe ra, không còn có tên sông, núi, tỉnh, thành nữa. Ông *Moffatt* bảo với *Livingstone* rằng: «Ở về phía bắc chỗ chúng tôi đóng, có ngàn xóm thường bốc khói, song vẫn chưa ai đi thăm xứ đó. Nghe nói, *Livingstone* dạn-dĩ xin đi. Công-hội ưng-thuận. Ông bèn về nhà, ngủ một đêm, rồi đi liền. Bấy giờ vào hồi 5 giờ sáng, ngày 17, tháng 11, năm 1840, cả nhà đều dậy, xúm lại uống nước chè, Đa-vít bèn đọc Thi-thiên 121: 6, 7, 8 để yên-ủi tấm lòng người nhà buồn nỗi li-biệt. Trước hết từ-giã mẹ và chị em gái. Cha tiễn con đến hải-cảng *Glasgow*. Chẳng dè từ đấy cha con lìa nhau mãi mãi!

CHƯƠNG THỨ BA

Phải sư-tử vồ, cánh tay bị thương

ÔNG đã đáp tàu. Bấy giờ vào giữa nửa đêm, trời quang, mây tạnh, trăng sáng vằng-vặc, sóng vỗ ỳ-ọp, gió thổi hây hây. Ông cùng với chủ tàu xem-xét một bộ máy lạ. Ông hỏi về máy đó, thì chủ tàu đáp: «Tôi dùng máy đó để dòm ngắm trăng sao, dò-thám đường-lối trong biển. Ông đi truyền đạo châu Phi, có nhà-thờ, vườn trại, và nhà-cửa để ở. Vì bằng thám đường châu Phi, thì phải có người bổn-xứ đưa đường dẫn lối; huống chi chức ông không phải làm việc cỡi tàu, thì cần gì phải tập máy đó?» Nghe nói, ông cũng lấy làm phải. Song hằng nghe châu Phi có ngàn xóm bốc khói, mà gót chơn người da trắng chưa bước đến. Vả, phía bắc những xóm đó là nơi đồng vắng; từ đồng vắng trở về bắc, người đời vẫn còn chưa biết. Nếu ta bước tới xứ đó, cũng như con tàu đi biển lạ đường, nên muốn học-tập máy ấy để phòng ngày sau cần-dùng. Tàu đi ba tháng, đến vịnh *Algoa* ở giữa biển Đại-tây và biển Ấn-độ.

Lìa tàu lên cạn, đi xe có bầy trâu kéo, qua đồng vắng rộng hơn 700 cây số: hoặc qua đồng-nội vừa cao vừa phẳng, hoặc qua sườn núi không có lối người đi, để sang sông *Orange*. Khi đến giữa sông, bánh xe sa xuống bùn lầy, trâu bồn lung-tung, xuýt đắm cả người xuống sông! May nhờ có người cầm cương giơ roi hò-thét, được sang đến bờ bên kia.

Đến đấy, thấy có chim phong-tước hót ở trong rừng; chim đà chầu ở búi cỏ, cao hơn người thường, lanh hơn ngựa chạy.

(Còn tiếp)

Hà-nội.— Hội-Thánh Hà-nội đang xin phép nhà Đốc-lý để xây tháp treo chuông đã mua từ bên Pháp.

Thánh-kinh Học-trường.— Hồi 3 giờ chiều 17 Août 1930, tại Tourane làm lễ khai-trường niên-khóa 1930-1931. Ông đốc-học Olsen làm chủ-tọa. Các mục-sư Hazlett, Irwin, Jeffrey, Ông-văn-Huyên, Lê-đình-Tươi, và cô đốc Frost, vân vân, dự lễ. Suốt cả Trung Nam Bắc-kỳ có 99 nam nữ học-sanh vui-vẻ đến học.

Trước khi khai-trường một tuần-lễ, có nhóm giảng phấn-hưng, cầu Chúa ban phước cho trường học được kết-quả mỹ-mãn.

Thánh - Thơ Công - Hội. — Ông Calas, mục-sư nhà-thờ Pháp Bắc-kỳ, gởi thơ nói rằng: Trong hai tháng vừa rồi, ông có đi thăm các Hội-Thánh Trung Nam-kỳ và Cao-mên, lấy làm vui-vẻ lắm. Sau khi ông về, kết-quả ra sao, bổn-báo sẽ tường-thuật trong một kỳ khác.

Ninh-hòa (Trung-kỳ).— Nghe nói anh em Hội-Thánh Ninh-hòa sốt-sắng về việc thờ Chúa, và có hi-vọng ít lâu sẽ đủ sức mời mục-sư bổn-xứ.

Mỹ-tho (Nam-kỳ). — Nghe đâu Hội-Thánh Mỹ-tho sắp xây nhà gạch bên nhà-thờ cho mục-sư ở.

Cao-mên.— Có thơ bên Mỹ sang nói bà Cressman dầu còn nằm bịnh, nhưng đã bớt nhiều rồi. Bổn-báo cầu Chúa chữa lành cho bà và mong nay mai bà sẽ cùng ông Cressman và các con lại sang Đông-dương mà hầu việc Chúa.

Tự-nhiên (Bắc-kỳ).—Nhà-thờ Tự-nhiên xây bằng gạch nay đã xong rồi, đến tháng Octobre 1930 làm lễ khánh-thành.

Nhà-in bổn-hội.—Hiện nay đang bắt đầu in Kinh-thánh quốc-ngữ lần thứ hai cho Thánh-Thơ Công-Hội.

Lại sẽ xuất-bản cuốn sách có 200 bài Thơ-thánh với nốt đờn, và lịch xé 1931 mỗi ngày có câu Kinh-thánh. Năm vừa qua, nhà-in in lịch một cách vội-vàng, nên có sơ-suất đôi chút, không được ngoan-mục cho lắm. Tới năm nay, sửa-sang chỉnh-đốn lại một cách rõ-ràng và ngoan-mục, xin kíp gởi thơ về mua ngay, giá bán mỗi lịch 0 $ 20.

Kế-sách (Nam-kỳ). — Được tin Hội-Thánh Kế-sách mới cất xong một nhà-thờ có lầu chuông, và một nhà cho thầy giảng ở bằng gạch tốn hơn 1600$. Hiện nay đã gởi thơ về Pháp mua một cái chuông.

Sa-đéc (Nam-kỳ).— Bổn-hội có nhóm họp giáo-hữu lo tính nhờ Chúa sửa-đổi nhà giảng lại. Cám ơn Chúa, Ngài giúp cho lòng rộng-rãi của giáo-hữu: người dâng công, dâng của cũng được trên 600$. Trong số đó có một chấp-sự nơi Hội Cao-lãnh giúp 100$. Thật cám ơn Chúa lắm! Lại cũng có anh em đem gạo đến dâng đặng cho thợ ăn.

Hải-dương (Bắc-kỳ).— Được tin thầy Lê-Thị (thầy giảng Hải-dương), đã làm phép cưới tại Hội-Thánh Tourane với cô Nguyễn-thị-Cây, con của ông Nguyễn-hữu-Tín, chấp-sự Hội-Thánh Tourane. Bổn-báo có lời chúc mừng thầy cô cùng hai gia-quyến được đầy ơn-điển của Chúa.

Đa-lát (Trung-kỳ).— Về việc giảng đạo Chúa cho người Annam và người Mọi ở đây, rất cám ơn Chúa, Ngài giúp-đỡ cho công-việc truyền đạo được tấn-tới. Hiện nay đã có một ông huyện và hai con trai nhỏ của ông cùng ba thầy làm thuốc nhà thương, là người Mọi, đều đã tin Chúa. Xin các quí Hội cầu-nguyện cho việc giảng đạo cho người Mọi, cho có đủ tài-chính mà dạy họ học quốc-ngữ đặng có thể đi làm chứng đất người đồng-bang trở lại cùng Chúa, cho mục-sư và thầy giảng học tiếng Mọi. Rất cám ơn.

XIN CHÚ-Ý!

Nếu quí Hội nào có tin-tức gì lạ mà Chúa mới ban phước cho, xin làm ơn biên-chép gởi về cho bổn-báo ngay đặng in vào mục Tin-tức. Song le chỉ viết một mặt giấy, tóm-tắt ít lời chừng 1, 5 dòng trở lại thôi. Rất trông-mong.

BÀI HỌC NGÀY CHÚA NHỰT

4 JANVIER. 1931 BÀ E. F. IRWIN

SỰ TẠO-THÀNH TRỜI ĐẤT

(Sáng-thế Ký 1-2; Thi-thiên 104)

CÂU GỐC:

«Hỡi Đức Giê-hô-va, công-việc Ngài nhiều biết bao! Ngài đã làm hết thảy cách khôn-ngoan; trái đất đầy tài-sản Ngài»

(Thi-thiên 104: 24)

LỜI MỞ ĐẦU:

Lời hỏi:

1.—Sách Cựu-ước nói về chuyện gì?

2.—Học sách Cựu-ước có ích gì?

3.—Nói về Đấng Christ thì sách Cựu-ước và sách Tân-ước khác nhau thể nào?

TRONG những bài học mới rồi chúng ta có học về đời Đấng Christ và lịch-sử Hội-thánh đầu-tiên. Bây giờ chúng ta sẽ xem trong sách Cựu-ước mà học về thế-gian trong lúc ban đầu và sự dạy-dỗ của Đức Chúa Trời cho người Giu-đa, là dân Ngài đã lựa-chọn để hầu việc Ngài. Những chuyện trong sách Cựu-ước rất hữu-ích cho các tín-đồ. Khi chúng ta xem về cách của Đức Chúa Trời đối cùng những người theo Ngài và dân ngoại, thì có nhiều sự dạy-dỗ cho chúng ta. Trong sách Tân-ước có nói rõ về Đức Chúa Jêsus đã đến mà chuộc tội cho cả thiên-hạ; trong sách Cựu-ước có những lời tiên-tri hứa rằng Ngài sẽ đến, và cũng có các hình-bóng về Ngài sẽ làm Đấng Cứu-Thế.

I.—ĐỨC CHÚA TRỜI LÀ ĐẤNG TẠO-HÓA

(Câu 1)

Lời hỏi:

1.—Ban đầu trước hết có ai?

2.—Làm sao người ta biết được có một Đấng lớn hơn hết?

3.—Thế-gian từ đâu mà có?

«Ban đầu Đức Chúa Trời.» Đây là lời trước hết trong Kinh-thánh. Đầu hết có Ngài; người ta không có thể hiểu được sự vô-cùng của Ngài, nhưng lòng mỗi người biết đều ấy. Trong Kinh-thánh Đức Thánh-Linh không có lấy bằng-cớ mà chỉ rằng có Đức Chúa Trời; đều ấy không cần, bởi vì mỗi người đều biết trong lòng rằng có một Đấng Cao-Trọng. Lại nữa, cả thế-gian cũng chỉ về Ngài. Thế-gian không phải tự-nhiên mà có. Nhưng phải nhờ có một quyền-phép lớn lắm mà đã dựng nên trời đất, và quyền-phép lớn ấy tức là Đức Chúa Trời.

II.—SỰ TẠO-THÀNH TRỜI ĐẤT

(Câu 2-31)

Lời hỏi:

1.—Làm sao người ta có thể nói rằng ở giữa câu 1 và câu 2 có trải qua nhiều năm?

2.—Thiên-sứ nào mà muốn làm cho mình bằng Đức Chúa Trời?

3.—Cách-thức có thứ-tự mà Đức Chúa Trời dùng để dựng nên trời đất tỏ ra lòng của Ngài đối với loài người ta là thể nào?

Đức Chúa Trời đã dựng nên trời đất. Trong câu 2 đã nói «đất là vô-hình và trống-không.» Chúa không có làm ra đất một cách như vậy đâu, vì trong sách Ê-sai 45: 18 đã nói rằng: Ngài có tạo-thành đất cho bền-vững, chẳng phải dựng nên là trống-không. Như thế câu 2 có nghĩa gì? Chắc ở giữa câu thứ 1 và câu thứ 2 có trải qua nhiều năm; song le tiếc thay chúng ta không có lịch-sử mà biết rõ về lúc đó. Họ tưởng rằng: Lúc ấy có một thiên-sứ lớn hơn hết muốn làm cho mình bằng Đức Chúa Trời. Xem Ê-sai 14: 12-15. Vì cớ ấy có sự tai-biến xảy ra làm cho đất phải hư đi.

Đức Chúa Trời đã dựng nên trời đất trong sáu ngày. Nhưng mà mỗi ngày đó là 24 giờ đồng-hồ hay là mấy năm thì chúng ta không biết rõ.

Những việc của Ngài đã làm là như vầy:

Ngày thứ nhứt . . . . sự sáng

» » hai . . . . khoảng-không

Ngày thứ ba . . . . chia ra đất, biển, và đất sanh cây, trái.
» » tư. . . . . mặt trời, mặt trăng, ngôi sao.
» » năm . . . . cá và chim.
» » sáu . . . . các thú vật và loài người ta.

Các việc của Đức Chúa Trời đã làm là bởi lời phán của Ngài mà có. Đều ấy làm cho chúng ta suy-nghĩ đến Đức Chúa Jêsus, vì khi Đức Chúa Trời dựng nên thế-gian thì có Đức Chúa Jêsus ở đó (xem sách Tin-lành theo Thánh Giăng 1 : 1-3). Cách-thức Chúa đã làm là có thứ-tự. Ngài làm ra người sau khi có chỗ ở và đồ ăn.

Sự sáng của Chúa đã làm trong ngày thứ nhứt là khác với sự sáng của mặt trời, mặt trăng và ngôi sao. Có người nói rằng không thể có sự sáng nếu chưa có mặt trời. Nhưng mà chúng ta thấy mặt trời, mặt trăng và ngôi sao là cũng như cái đèn mà Chúa đã đặt các vì đó trong khoảng-không trên trời đặng soi sáng cho đất.

III.— SỰ TẠO-THÀNH LOÀI NGƯỜI TA

(4-24)

Lời hỏi :

1.— Người ta và thú vật khác nhau thể nào ?

2.— Loài người khi Chúa mới tạo-thành ra có lòng thể nào ?

3.— Tại làm sao Đức Chúa Trời có thử loài người trong vườn Ê-đen ?

Đức Chúa Trời lấy bụi đất mà làm hình người và hà hơi của Ngài vào trong hình ấy, thì người trở nên loài sanh-linh. Người ta là khác hơn các thú vật vì có hơi của Chúa hà vào trong mình. Khi loài người mới được dựng nên thì vốn là vô-tội. Đức Chúa Trời đã tạo-thành người nam và người nữ rồi để cho hai ông bà ấy ở trong vườn Ê-đen. Vườn nầy rất đẹp-đẽ và có đủ các thứ cây trái. Tại đó cũng có hai cây kêu là cây sự sống và cây biết sự lành sự dữ. Đức Chúa Trời đã cấm ông bà ấy không được ăn trái cây biết sự lành và sự dữ, nếu ăn thì sẽ chết. Làm sao Chúa có thử người như vậy ? Ấy là phải lắm, vì nếu không thử, thì làm sao biết được hai người là lành hay không? Người ta có tự-do, nếu người muốn theo Chúa cũng được hay là muốn theo ma-quỉ thì tùy ý họ, Ngài không có ép-buộc ai phải theo Ngài.

LỜI DẠY :

Sự dựng nên người ta là hình-bóng về sự liên-lạc của Đấng Christ với Hội-thánh. Hội-thánh là bởi Ngài và trong Ngài mà ra. Sau Ngài nói Hội-thánh là vợ Ngài (xem Ê-phê-sô 5 : 25-27). Cũng như bà Ê-va ở trong xương của ông A-đam, rồi sau làm vợ ông.

11 JANVIER, 1931

SỰ SA-NGÃ CỦA TỔ-TÔNG LOÀI NGƯỜI

(Sáng-thế Ký 3 :)

CÂU GỐC :

«Ta sẽ làm cho mầy cùng người nữ, dòng-dõi mầy cùng dòng-dõi người nữ nghịch-thù nhau. Người sẽ giày-đạp đầu mầy, còn mầy sẽ cắn gót chơn người»

(Sáng-thế Ký 3 : 15)

LỜI MỞ ĐẦU :

Lời hỏi :

1.— Đức Chúa Trời đã định người ta phải ở đâu ?

2.— Làm sao hiện nay loài người có lòng tội-lỗi ?

3.— Làm sao đoạn 3 trong sách Sáng-thế Ký có chuyện buồn hơn hết các đoạn trong Kinh-thánh ?

NẾU các chuyện trong đoạn 3 không có xảy ra thì hôm nay người ta còn ở trong vườn Ê-đen. Nếu không có tội trong lúc ấy thì hôm nay lòng của người cũng không có tội, nhưng có sự bình-yên của Chúa. Bởi ông A-đam và bà Ê-va đã phạm tội, truyền lại bổn-tánh đó cho con cháu, nên con cháu cũng có tội-lỗi. Hai ông bà ấy là tổ-tông của cả loài người ta, nên vì cớ ấy mỗi người đều có tội-lỗi, không còn phải ngờ nữa. Thiệt không có đoạn nào trong Kinh-thánh mà có chuyện buồn hơn đoạn 3 trong sách Sáng-thế Ký.

I.—NÓI VỀ MA-QUỈ

(Câu 1)

Lời hỏi :

1.— Theo lời tiên-tri Ê-xê-chi-ên thì ma-quỉ lúc trước là thể nào ?

2.— Sách Khải-huyền 20:2 có nói gì về nó?

Trong bài thứ nhứt chúng ta có nói về một thiên-sứ muốn làm cho mình ra bằng Đức Chúa Trời. Và vì cớ ấy có sự tai-biến làm cho trái đất ra vô-hình và trống-không. Xem sách Ê-xê-chi-ên 28: 13-19, thì sẽ biết ma-quỉ lúc trước là thể nào. Chúa nói rằng: «Đường-lối ngươi được trọn-vẹn từ ngày ngươi được dựng nên, cho đến lúc thấy sự gian-ác trong ngươi.» «Ta đã xô ngươi xuống đất... kìa người ta đã trở nên một cớ kinh-khiếp đời đời, ngươi sẽ không còn nữa.» Mấy câu ấy chỉ về ma-quỉ.

Câu 1 nói con rắn cám-dỗ bà Ê-va—Ma-quỉ hiện vào con rắn. Sách Khải-huyền 20:2 nói rõ về nó rằng: «Thiên-sứ bắt con rồng, tức là ma-quỉ là Sa-tan... và quăng nó xuống vực sâu»—như thế chúng ta biết lúc trước nó là một đấng lớn, song vì phạm tội, thì nó bị phạt.

II.—SỰ CÁM-DỖ

(Câu 1-5)

Lời hỏi :

1.— Những lời của ma-quỉ khỉ-sự dùng mà cám-dỗ bà Ê-va có ý làm cho bà đối với Đức Chúa Trời cách nào?

2.— Ma-quỉ có dùng ba cách nào để cám-dỗ bà?

3.— Bà Ê-va có nói với ma-quỉ sau khi vấp-phạm, ấy có sự dạy-dỗ gì cho chúng ta?

Ma-quỉ đã dùng lời hỏi mà cám-dỗ bà Ê-va. Nó có hỏi rằng: «Mà chi, Đức Chúa Trời há có phán»— Lời hỏi ấy là cội-rễ của hết mọi đều tội-lỗi hôm nay. Lời hỏi ấy có ý làm cho tổ-tông loài người hồ-nghi về sự thương-yêu và lòng thiệt của Đức Chúa Trời lúc ban đầu. Lời của ma-quỉ cám-dỗ bà theo ba cách: ấy là sự mê-tham của xác-thịt, mê-tham của mắt và sự kiêu-ngạo của đời (I Giăng 2:16).

Bà Ê-va đã thấy trái đó là ngon; ngó đẹp mắt và làm cho người khôn-ngoan. Ma-quỉ cũng đã dùng cách đó mà cám-dỗ Đức Chúa Jêsus ở nơi vắng-vẻ. Xem Lu-ca 4:1-13. Song Đức Chúa Jêsus là A-đam thứ hai, không chịu sự cám-dỗ của nó.

Khi bà Ê-va trả lời với ma-quỉ, bà đã nói sai lời của Đức Chúa Trời, lại thêm vào nữa.

III.— LOÀI NGƯỜI TA PHẠM TỘI

(Câu 6-7)

Lời hỏi :

1.— Ma-quỉ có cám-dỗ ông A-đam không?

2.— Khi đã phạm tội rồi, hai ông bà trở nên thế nào?

3.— Sự cám-dỗ bà Ê-va và ông A-đam khác nhau thể nào?

Bà Ê-va đã thấy trái ấy ăn ngon, đẹp-đẽ mà sanh ra sự khôn-ngoan, thì bà thèm mà cũng ăn và cũng cho chồng mình ăn nữa. Bà đã bị dỗ-dành bởi ma-quỉ (xem I Ti-mô-thê 2:14); song ông A-đam thì không. Có lẽ ông ăn vì thương-yêu vợ. Khi đã ăn rồi thì ông bà liền đổi tánh khác, biết mình là người tội-lỗi và có sự hổ-thẹn. Ma-quỉ đã nói sẽ có sự khôn-ngoan, nhưng mà chỉ có sự sợ và hổ-thẹn mà thôi. Hai người đã lầm rồi, muốn trở nên như cũ mà không được.

IV.—ĐỨC CHÚA TRỜI QUỞ-TRÁCH

(Câu 8-19)

Lời hỏi :

1.— Hai ông bà A-đam không muốn gặp Chúa chỉ về người nào hôm nay?

2.— Con rắn và hai ông bà bị phạt cách nào?

3.— Câu 15 có nghĩa gì?

Đức Chúa Trời muốn làm ra người ta vì Ngài muốn giao-thông với người. Buổi chiều Ngài xuống vườn đó vì muốn nói chuyện với hai ông bà, nhưng ông bà ấy đã trốn-tránh vì sợ gặp Ngài. Đức Chúa Trời phán hỏi, nếu đã ăn trái Ngài cấm, thì liền đó hai người đổ thừa cho nhau, và không ai chịu lỗi ấy.

Ai phạm tội thì phải bị phạt. Chúa đã phạt con rắn phải bò bằng bụng và ăn bụi đất, lúc trước nó là đẹp-đẽ lắm và theo lời hình-phạt thì trước nó đứng được. Nếu trước nó ghê-gớm như hôm nay, thì chắc bà Ê-va sợ và không nói chuyện với nó được. Đức Chúa Trời đã phán về sự hình-phạt cho bà Ê-va rằng: «Ngươi phải chịu đau-đớn mỗi khi sanh con.» Còn ông A-đam thì phải chịu khó-nhọc, đổ mồ-hôi mới có vật đất sanh ra mà ăn.

Câu 15 là lời hứa về Đấng Cứu-Thế: «Ma-quỉ sẽ cắn gót chơn dòng-dõi người đờn-bà.» Lời ấy đã ứng-nghiệm lúc Đức Chúa

Jèsus bị đóng đinh trên cây thập-tự. Phần xác-thịt của Chúa phải chết, nhưng Ngài đã sống lại, và lúc ấy Ngài đã đạp đầu ma-quỉ. Trong khi Ngài chịu chết thế người tội-lỗi, thì Ngài đã phá quyền-phép của ma-quỉ.

V.—SỰ ĐỀN-BỒI

(Câu 20-21)

Lời hỏi :

1.— Hai ông bà lập cách mà giúp mình khỏi tội chỉ về ai ?

2.— Sự cứu-chuộc là bởi ai mà ra ?

3.— Về sự giết con thú có nghĩa gì ?

Hai ông bà hổ-thẹn vì mình trần-truồng và lấy lá vả làm áo che mình, nhưng mà áo đó che không được. Cái áo bằng lá chỉ về sự công-bình của người ta. Sự công-bình của người không có thể cứu người khỏi tội. Chúa đã giết con thú mà lấy da đặng làm áo cho hai ông bà ấy. Con thú bị giết chỉ về Đức Chúa Jèsus chịu chết để ban sự công-bình của Ngài cho người ta.

18 JANVIER, 1931

SỰ THỜ-LẠY THIỆT VÀ SỰ THỜ-LẠY GIẢ

(Sáng-thế Ký 4 :)

CÂU GỐC :

«Cớ sao ngươi giận, và cớ sao nét mặt ngươi gằm xuống ? Nếu ngươi làm lành, há chẳng ngước mặt lên sao ?»

(Nửa câu 6 và nửa câu 7)

LỜI MỞ ĐẦU :

Lời hỏi :

1.— Khi Chúa đã quở-trách hai ông bà A-đam, thì Ngài có phán lời hứa gì cho hai ông bà ấy ?

2.— Làm sao bà Ê-va mừng khi sanh ra Ca-in ?

3.— Hai con của A-đam có nghề gì ?

Từ lúc Đức Chúa Trời đã hứa với hai ông bà A-đam, dòng-dõi của bà sẽ phá ma-quỉ và tội-lỗi, thì người có trông-đợi cho lời ấy mau ứng-nghiệm. Hai ông bà đã nhớ về những phước mình đã có ở nơi vườn Ê-đen. Nên khi bà đã sanh con (Ca-in), thì mừng mà có lẽ tưởng rằng con ấy sẽ cứu người khỏi tội. Song le chưa có. Từ lúc đó cho đến khi Đấng Cứu-Thế ra đời, thì đã trải qua biết bao nhiêu năm và từ khi Đức Chúa Jèsus giáng-sanh cho đến hôm nay cũng vậy, và sự cứu-chuộc chưa xong cho trọn. Đến khi Đức Chúa Jèsus tái-lâm thì mới có sự bình-yên trong thế-gian và người ta sẽ được hiểu về phước của ông bà đã mất khi phạm tội.

Chuyện trong đoạn 4 xảy ra khi người ta ra khỏi vườn Ê-đen, và chép về hai con của ông A-đam. Ca-in là anh có nghề làm ruộng, và A-bên là người chăn chiên. Ông Ca-in đã lấy thổ-sản mà dâng cho Chúa. Ông không có xưng mình là người tội-lỗi, nhưng mà muốn gặp Chúa cũng như người nầy gặp người kia. Đức Chúa Trời không bằng lòng và Ngài không nhậm lễ-vật của Ca-in. Chắc Chúa đã dạy ông A-đam biết phải dùng huyết mà thờ-lạy Ngài và ông A-đam có truyền dạy cho hai con biết ý đó.

Khi ông A-bên có giết con chiên để dâng tế-lễ, thì ông tỏ ra ông nhìn mình có tội và tin về sự Đấng Cứu-Thế sẽ đến. Đức Chúa Trời đã dạy-dỗ về sự cứu-chuộc trong khi Ngài giết hai con thú mà dùng da nó đặng làm áo để che tội-lỗi cho hai ông bà A-đam. Trong sách Hê-bơ-rơ 11 : 4 có nói A-bên đã dâng một tế-lễ bởi đức-tin, và Chúa làm chứng về người rằng Ngài nhậm lễ-vật ấy.

I.— SỰ GIẬN CỦA ÔNG CA-IN

(Câu 5-8)

Lời hỏi :

1.— Làm sao Ca-in giận em ? Đều ấy có lý không ?

2.— Làm sao chúng ta biết được Chúa hiểu lòng người ?

3.— Nếu người ta để sự giận trong lòng thì ra thể nào ?

Ông Ca-in giận em bởi vì Chúa bằng lòng nhậm lễ-vật của em mà không đoái vì đến lễ của mình. Chúa đã khuyên ông Ca-in phải dùng lễ-vật cũng như ông A-bên. Nếu ông Ca-in đã bỏ lễ thứ nhứt

mà cũng lấy con chiên để làm lễ như em, thì chắc Chúa đoái đến ông Ca-in. «Nếu ngươi làm đều lành há chẳng ngước mặt lên sao?» Đức Chúa Trời đã biết nếu ông không ăn-năn bỏ sự giận thì ông sẽ phạm tội nặng hơn nữa. Vì cớ ấy Ngài nói rằng: «Tội-lỗi rình đợi trước cửa, thèm ngươi lắm, nhưng ngươi phải quản-trị nó.» Nhưng mà ông không bằng lòng bỏ sự giận, nên đã giết em. Sự giận thường sanh ra tội nặng.

II. — ÔNG CA-IN BỊ PHẠT

(Câu 9-16)

Lời hỏi:

1.— Làm sao Chúa biết Ca-in đã giết A-bên?

2.— Ca-in bị phạt thế nào?

3.— Chúa có thương-xót ông ấy thế nào?

Huyết của ông A-bên đã kêu lên đến Chúa. Ngài biết sự tội-lỗi của người ta dầu trong thế-gian không có ai biết. Ngài đã đuổi ông ra khỏi nhà cha mẹ và không cho đất sanh hoa-lợi cho ông nữa. Ông Ca-in đã xin Chúa thương-xót ông vì sợ người ta sẽ giết mình, thì Chúa đánh dấu trên mình Ca-in, ngõ ai gặp Ca-in thì chẳng giết. «Sự trả thù thuộc về ta, ta sẽ báo-ứng» (Rô-ma 12:19).

III.—SỰ VĂN-MINH CỦA THẾ-GIAN

(Câu 17-26)

Lời hỏi:

1.—Con của bà Ê-va thế cho A-bên là ai?

2.—Dòng-dõi của ông Sét và ông Ca-in khác nhau thế nào?

3.—Ông Sét là tổ-tông của ai?

Khi sau bà Ê-va sanh ra một con trai nữa, đặt tên là Sét; con ấy thế cho ông A-bên. Từ khi có ông Sét, người ta mới cầu-khẩn Đức Chúa Trời. Trong thế-gian có hai hạng người: một như ông Ca-in và một như ông Sét.

Ông Ca-in bị đuổi ra khỏi mặt Đức Chúa Trời và ông không ăn-năn về tội của mình. Dòng-dõi của ông khoe mình về sự khôn-ngoan và sự văn-minh của thế-gian, chớ không cầu-khẩn Chúa. Dòng-dõi ông đều bắt chước theo ông.

Còn dòng-dõi ông Sét thì khác, không ham-mê về việc thế-gian, nhưng đã theo Chúa, được sự bình-yên và phước-hạnh của Ngài. Ông Sét là tổ-tông Đức Chúa Jêsus theo phần xác-thịt.

25 JANVIER, 1931

NƯỚC LỤT

(Sáng-thế Ký 6-9)

CÂU GỐC:

«Ta lập giao-ước cùng các ngươi, và các loài xác-thịt chẳng bao giờ lại bị nước lụt hủy-diệt, và cũng chẳng có nước lụt để hủy-hoại đất nữa»

(Sáng-thế Ký 9:11)

LỜI MỞ ĐẦU:

Lời hỏi:

1.— Làm sao Đức Chúa Trời tự trách đã dựng nên loài người?

2.— Con trai của Đức Chúa Trời là ai?

3.— Nếu người theo Chúa cưới người ngoại thì ra thế nào?

Vì sự tội-lỗi của hai ông bà A-đam di-truyền, cho nên mỗi người đều có bổn-tánh tội-lỗi. Người ta càng ngày càng xấu-xa, đến nỗi Đức Chúa Trời tự trách đã dựng nên loài người ta trên mặt đất và buồn-rầu trong lòng. Người ta đã làm trái ý Đức Chúa Trời trong khi họ lấy người ngoại làm vợ. Khi loài người sanh thêm nhiều trên mặt đất, thì các con trai Đức Chúa Trời thấy con gái loài người tốt-đẹp, bèn cưới làm vợ, các con trai đó là dòng-dõi của ông Sét. Nếu người theo Chúa mà kết-hôn với người ngoại thì hay sanh ra sự tội-lỗi mà thôi. Vì sự xấu-xa của loài người lúc đó, nên họ bị hình-phạt bởi cơn nước lụt.

I.— SỰ QUYẾT-ĐỊNH CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

(Câu 7-13)

Lời hỏi:

1.— Sự tội-lỗi của người ta trong đời ông Nô-ê là thế nào?

2.—Sách Ma-thi-ơ 24: 37, 38 nói về gì?

Đức Chúa Trời là Đấng nhơn-từ thương-xót người ta, song le, nếu người có lòng

xấu-xa cũng như đã nói trong câu 5, thì phải bị phạt mà thôi. Chúa định hủy-diệt loài người khỏi mặt đất, vì Ngài thấy sự hung-ác của người và các ý-tưởng của lòng họ chỉ là xấu-xa luôn luôn. Người ta lúc ấy là dữ-tợn lắm, và cũng là người phạm tội tà-dâm. Họ ăn-ở một cách không biết về Chúa. Sách Ma-thi-ơ 24 : 37, 38 nói sẽ có sự tội-lỗi một cách như vậy khi Đức Chúa Jêsus sẽ tái-lâm. «Trong đời Nô-ê thể nào khi Con người đến cũng thể ấy.»

II.— NHÀ ÔNG NÔ-Ê ĐƯỢC CỨU

Lời hỏi :

1.— Tại làm sao ông Nô-ê được cứu ?

2.— Đức Chúa Trời cứu ông ấy cách nào?

3.— Chúa có biểu gì về các loài sanh-vật?

Lúc ấy chỉ có một người đẹp lòng Chúa mà thôi, ấy là ông Nô-ê. Ông được ơn trước mặt Đức Chúa Trời. Ông có thành-tâm kinh sợ Chúa, và ông không có hiệp với người tội-lỗi. Lúc ấy loài người đã biết về Chúa, nhưng mà không chịu phục-tùng Ngài.

Đức Chúa Trời đã nói với ông Nô-ê rằng Ngài sẽ phạt người ta bởi cơn nước lụt. Ngài có biểu ông đóng một chiếc tàu theo kiểu của Ngài đã cho. Khi đóng tàu rồi, thì Ngài có biểu ông và cả nhà ông đi vô tàu ấy để tránh khỏi sự hình-phạt của Ngài. Về các loài sanh-vật Chúa biểu ông Nô-ê hãy dẫn xuống tàu mỗi loài một cặp, có đực, có cái, có trống, có mái ; hầu cho ở cùng người đặng giữ trọn sự sống. Ông Nô-ê làm các điều nầy y như lời Đức Chúa Trời đã phán dặn. Sau bảy ngày, nước lụt xảy có trên mặt đất.

Trong nhà ông Nô-ê có tám người được cứu, ấy là ông Nô-ê và vợ, ba con trai và ba người dâu. Còn những người khác trên đất đều bị chết chìm hết.

III.— NƯỚC LỤT

Lời hỏi :

1.— Làm sao biết được nước lụt ấy không phải là nước lụt thường ?

2.— Ông Nô-ê có tỏ ra đức-tin ông thể nào?

3.— Ông Nô-ê là hình-bóng về ai ?

4.— Chiếc tàu là hình-bóng về ai ?

Khi cả nhà ông Nô-ê đi vào chiếc tàu rồi thì «các nguồn của vực lớn nổ ra, và các đập trên trời mở xuống ; mưa sa trên mặt đất trọn bốn mươi ngày và bốn mươi đêm.» Nước dưng thêm nâng hẳn tàu khỏi mặt đất. Ông Nô-ê có làm chiếc tàu ấy trên đất khô mà ông phải đợi cho nước lớn thì tàu ấy mới lên khỏi mặt đất. Thiệt đức-tin ông ấy lớn lắm. Ông ở trong chiếc tàu, không ngó ra ngoài được. Ông nghe sự ồn-ào mà không biết rõ là gì ? Nhưng mà ông ở trong chiếc tàu của Chúa biểu làm theo kiểu của Ngài cho, nên ông có sự bình-yên. Nước cứ dưng lên trên mặt đất trọn một trăm năm mươi ngày.

IV.— NƯỚC HẠ XUỐNG

Lời hỏi :

1.— Nước giựt thể nào ?

2.— Ông Nô-ê có sai con thú nào ra khỏi tàu để biết nước đã giựt xuống hay chưa?

3.— Ông đã sai con thú mấy lần ?

Đức Chúa Trời đã nhớ đến ông Nô-ê và các thú vật, nên Ngài làm cho nước giựt khỏi mặt đất, lần-lần vừa hạ vừa giựt. Sau chiếc tàu tấp trên núi A-ra-rát. Ông Nô-ê đã thả một con quạ ra, nhưng mà nước chưa giựt khỏi mặt đất. Lại ông có thả con bò câu bay ra hai lần, song nó bay trở lại chiếc tàu, vì không có chỗ ở trong đất. Nhưng mà khi ông thả một con bò câu lần thứ ba nữa thì nó bay luôn, không trở về, nên ông biết đất đã khô rồi.

V.— ĐI RA KHỎI CHIẾC TÀU

Lời hỏi :

1.— Làm sao ông Nô-ê phải ở trong chiếc tàu cho đến Đức Chúa Trời biểu đi ra khỏi ?

2.— Ba con của ông Nô-ê tên là gì ?

3.— Ông đi ra khỏi chiếc tàu thì ông có làm gì ?

Đức Chúa Trời đã biểu ông đi ra khỏi chiếc tàu, người và vợ, các con và các dâu người (tên ba con của ông Nô-ê là : Sem, Cham và Gia-phết). Ông đi ra, liền lập một bàn thờ mà dâng của-lễ cho Đức Chúa Trời. Ông có lòng cám ơn Chúa vì Ngài đã cứu ông. Của-lễ của ông Nô-ê đã dâng làm cho thỏa lòng Đức Chúa Trời, và Ngài hứa Ngài sẽ chẳng vì loài người mà rủa-sả đất nữa.